

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ
GIAO THÔNG (TRATIMEX)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của dự án đầu tư Kho nhựa đường
Cần Thơ**

Cần Thơ, tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ
GIAO THÔNG (TRATIMEX)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của dự án đầu tư Kho nhựa đường
Cần Thơ**

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



CHỦ TỊCH HĐQT

Hùng Văn Quang

Cần Thơ, tháng 07 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư	1
2. Tên dự án đầu tư	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	3
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	4
3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	4
3.2.2. Quy trình sản xuất của dự án đầu tư	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	8
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng	8
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	8
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)	9
5.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư	9
5.2. Tiến độ thực hiện dự án	14
5.3. Vốn đầu tư	14
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	15
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	15
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	17
Chương III ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ	

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
KCN	Khu công nghiệp
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
UBND	Ủy ban nhân dân
QĐ	Quyết định

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các mốc ranh giới của dự án	2
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án	9
Bảng 1.3. Tiến độ thực hiện dự án.....	14
Bảng 3.1. Kết quả chất lượng môi trường không khí	18
Bảng 3.2. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt	20
Bảng 3.3. Kết quả chất lượng môi trường đất mặt tại vị trí quan trắc.....	21
Bảng 3.4. Chất lượng không khí khu vực dự án.....	24
Bảng 3.5. Kết quả phân tích khí thải lò gia nhiệt	25
Bảng 4.1. Tải lượng các tác nhân ô nhiễm đối với xe chạy bằng dầu.....	26
Bảng 4.2. Tải lượng các tác nhân ô nhiễm đối với xe chạy bằng xăng.....	27
Bảng 4.3. Hệ số ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO	27
Bảng 4.4. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện vận chuyển.....	28
Bảng 4.5. Nồng độ các chất khí đo được trong quá trình hàn điện kim loại.....	28
Bảng 4.6. Tải lượng ô nhiễm trong quá trình hàn	28
Bảng 4.7. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng	30
Bảng 4.8. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	43
Bảng 4.9. Kế hoạch xây lắp công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của Dự án.....	43
Bảng 4.10. Dự toán kinh phí đối với công trình, biện pháp BVMT của Dự án	44
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải.....	47
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm khí thải.....	48

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.....	2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình vận hành dự án.....	6
Hình 3.1. Biểu đồ diễn biến chỉ số WQI trên sông Hậu giai đoạn 2015 – 2017.....	23

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)

- Địa chỉ văn phòng: Số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: HOÀNG VĂN QUANG

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Điện thoại: 031.3654434 Fax: 031.3551826

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0200401834, đăng ký lần đầu ngày 28/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 13/11/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2245522651, chứng nhận lần đầu ngày 25/03/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 10/05/2024.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Dự án nằm trong KCN Hưng Phú 1 (Cụm A) – Giai đoạn 1 có tổng diện tích là 11.082 m² với các vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Bắc: tiếp giáp với khu đất quy hoạch của KCN;

+ Phía Tây Bắc: tiếp giáp với khu đất quy hoạch của KCN;

+ Phía Đông Nam: tiếp giáp với Công ty cổ phần phân bón Sài Gòn Mekong;

+ Phía Tây Nam: tiếp giáp với đường giao thông nội bộ số 1 KCN.

Vị trí khu đất dự án được xác định qua các mốc tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000) như sau:

STT	Số hiệu mốc	X	Y
17	M17	1104075,580	591011,130
18	M18	1104048,110	591036,870
19	M19	1104047,130	591035,860
20	BS1	1104079,200	590773,030
21	BS2	1104023,740	590824,990

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: không có.

+ Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

+ Dự án đã được cấp Giấy phép môi trường số 120/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư):

Tổng mức đầu tư: 99.057.400.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ không trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)

Dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” có diện tích 11.082 m², bao gồm các hạng mục công trình: bồn chứa nhựa đường (bồn T1, T2), trạm bơm và nhà cân, nhà gia nhiệt + khí nén, bàn cân ô tô 80T, khu nhà văn phòng, trạm bơm bể chứa nước sinh hoạt và chữa cháy, trạm biến áp, nhà bảo vệ + tường rào, cổng, nhà để xe, nhà đóng phuy, đường nội bộ, bãi đỗ xe và bãi chứa phuy. Dự án thuộc nhóm B, phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (vốn đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

❖ Công suất kho:

- Theo Giấy phép môi trường đã được cấp:

Tổng công suất kho là 11.000 m³ bao gồm 02 bồn chứa:

+ Bồn chứa T1 công suất 5.500 m³;

+ Bồn chứa T2 công suất 5.500 m³.

- Công suất kho xin điều chỉnh

Tổng công suất kho là 13.490 m³ bao gồm 02 bồn chứa:

+ Bồn chứa T1 công suất 5.500 m³;

+ Bồn chứa T2 công suất 7.990 m³.

Lý do nâng công suất: Nâng công suất để đáp ứng nhu cầu cung cấp nhựa đường cho các dự án xây dựng, sửa chữa đường bộ ở Cần Thơ, khu vực phía Nam Miền Tây đang có chiều hướng tăng cao.

❖ **Công suất nhập:** 170 m³/giờ.

❖ **Công suất cho ô tô xitec:**

Xuất bằng máy bơm 60 m³/giờ (16 phút/xe) trường hợp nhựa đường mới nhập nhiệt còn đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Xuất bằng tự chảy qua bể trung chuyển: 9,36 m³/giờ.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Hệ thống công nghệ sản xuất của dự án được chia làm 03 hệ thống chính:

➤ *Hệ thống công nghệ nhập, tồn chứa và phân phối nhựa đường*

Bao gồm: bồn tiếp nhận nhựa đường, tuyến ống nhập nhựa đường D219 từ cầu tàu vào kho dài 400 m, các ống mềm, ống cứng, van, thiết bị kiểm soát lưu lượng, nhiệt độ, áp suất,...

- Bồn chứa nhựa đường (bồn T1: 5.500 m³, T2: 7.990 m³)

Chức năng: chứa nhựa đường loại 60/70 hoặc 80/100 với nhiệt độ bảo quản 120°C.

Đặc điểm bồn chứa: phía ngoài thành bể được bọc bảo ôn với lớp bông thủy tinh dày 100 mm. Bảo vệ lớp bọc bằng một lớp thép và hệ thống khung sườn liên kết bằng thép góc. Đầu ống công nghệ nhập và xuất bố trí theo yêu cầu tồn chứa, xuất nhập nhựa.

- Bể trung chuyển: 02 bể trung gian 50 m³ và 01 bể 100 m³

Kết cấu hình trụ đứng. Phía ngoài thành bể được bọc bảo ôn với lớp bông thủy tinh chiều dày 100mm. Bảo vệ lớp bọc bằng một lớp tôn kẽm dày 0.45mm và

hệ thống khung sườn liên kết bằng thép góc. Đặt trên sàn đỡ bê tông cốt thép cao 2,5m so với nền sản xuất.

Chức năng: Nâng nhiệt độ của nhựa đường trong thời gian ngắn để tiết kiệm dầu đốt. Xuất cho ô tô xitec bằng bơm và xuất cho nhà đóng phuy.

- Trạm bơm nhựa đường: 2 tổ bơm được đặt phía dưới sàn bê tông

Chức năng trạm bơm: Bơm nhựa đường từ bồn chứa T1, T2 lên bể trung chuyển và xuất cho ô tô xitec; bơm nhựa đường từ bồn T1, T2 xuất thẳng cho ô tô xitec không qua bể trung chuyển; bơm nhựa từ bể trung chuyển xuất cho ô tô xitec; bơm vét bể.

➤ *Hệ thống gia nhiệt (bao gồm lò gia nhiệt, hệ thống ống dẫn dầu tải nhiệt và thiết bị gia nhiệt cục bộ)*

Hệ thống gia nhiệt cho đường ống và bể chứa được chọn là hệ thống gia nhiệt bằng dầu truyền nhiệt. Hệ thống gia nhiệt bằng dầu truyền nhiệt bao gồm các thành phần chủ yếu sau:

Lò gia nhiệt: là bộ phận cơ bản của hệ thống nhiệt. Nhiệt được tạo ra trong quá trình đốt nhiên liệu, dầu truyền nhiệt được bơm qua lò nhiệt. Tại đây dầu truyền nhiệt được nâng nhiệt độ lên đúng theo yêu cầu và được đi qua hệ gia nhiệt cho hệ thống. Sau đó trở lại lò nhiệt theo chế độ tuần hoàn. Lò gia nhiệt công suất $Q = 1.500.000$ kcal bố trí trong nhà bao che $90m^2$. Ngoài lò nhiệt còn có các thành phần công nghệ khác gồm:

+ Bồn chứa nhiên liệu đốt lò (FO) $25 m^3$ đặt trên bệ đỡ bằng bê tông cao $H = 1m$ so với mặt đất. Nhập nhiên liệu vào bồn bằng ô tô xitec;

+ Ống khói bằng thép ống D300 cao 15m.

+ Hệ thống ống dẫn dầu tải nhiệt.

+ Thiết bị gia nhiệt cục bộ.

➤ *Hệ thống kỹ thuật phụ trợ*

- Hệ thống cấp điện, an toàn và kim thu sét.

- Hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy.

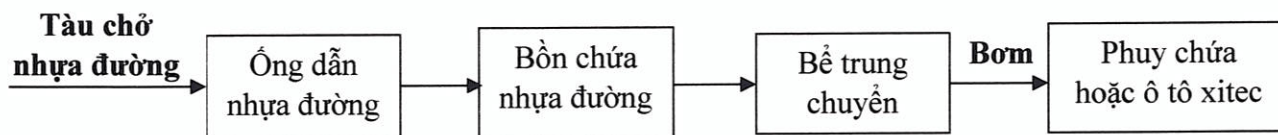
- Hệ thống đê ngăn cháy.

- Hệ thống đường bãi nội bộ kho.

- Nhà hợp khối: bố trí các phòng chức năng gồm: thường trực, bảo vệ, điều hành, nhà nghỉ cán bộ công nhân viên, nhà ăn, bếp.

3.2.2. Quy trình sản xuất của dự án đầu tư

Dự án Kho nhựa đường Cần Thơ có chức năng là kho chứa nhựa đường bao gồm các hoạt động nhập, lưu chứa và phân phối nhựa đường. Quy trình xuất nhập và lưu chứa nhựa đường như sau:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình vận hành dự án

Thuyết minh sơ đồ quy trình xuất nhập nhựa đường:

- Quá trình nhập nhựa đường

Nhựa đường lỏng được nhập vào Kho nhựa đường Cần Thơ bằng tàu chở nhựa đường thông qua cầu cảng hiện hữu của Cảng Tân Cảng Cái Cui, thông qua tuyến ống nhập nhựa đường D273 từ cầu tàu vào kho. Quá trình nhập nhựa đường nóng, lỏng được kiểm soát bởi hệ thống điện tử đo mức, đo nhiệt trên tàu. Khi nhựa đường lỏng được nhập vào kho chứa, sản phẩm nhập sẽ được kiểm soát bằng hệ thống đo mức, đo nhiệt trên bồn, bằng thước đo chuyên dụng, hệ thống van đóng ngắt và các tín hiệu điều khiển lắp đặt trên các bồn chứa.

Trước khi nhập nhựa đường, tuyến ống nhập được gia nhiệt nóng lên 180⁰C – 200⁰C bằng hệ thống dẫn dầu truyền nhiệt. Hệ thống dầu dẫn nhiệt được bố trí gồm 02 ống dẫn chạy song song kế bên tuyến ống nhập nhựa đường. Hệ thống dầu dẫn nhiệt có tác dụng làm nóng tuyến ống nhập nhựa đường, khiến nhựa đường trong ống chảy ra rồi dùng khí nén trên tàu thổi hết nhựa đường dư vào bồn chứa để thông đường ống nhập trước khi dẫn nhựa đường từ tàu vào bồn.

- Quá trình bảo quản nhựa đường tại kho

Nhựa đường nhập loại 60/70 hoặc 80/100 được bảo quản trong bể chứa với nhiệt độ duy trì tối thiểu là 120⁰C (phụ thuộc vào độ chứa đầy trong bể). Thời gian gia nhiệt bảo quản cho một bể trong 01 ngày là 2 giờ. Trong bể chứa có các tuyến đường ống dẫn dầu truyền nhiệt dạng xoắn ốc đảm bảo duy trì nhiệt độ trong bể tối thiểu 120⁰C để giữ cho nhựa đường không bị đóng rắn.

- Quá trình xuất nhựa đường

Sản phẩm nhựa đường lỏng của kho sẽ được xuất chủ yếu cho xe bồn thông qua hệ thống bơm cũng như hệ thống đường ống bơm hàng. Dự án sẽ được lắp 02 bơm xuất nhựa đường, đường ống bơm hàng và ống mềm được độc lập với nhau. Các vị trí họng xuất hàng sẽ được bố trí phù hợp để đáp ứng khoảng cách an toàn theo quy định. Tùy thuộc vào số lượng họng xuất hàng xuống xe bồn trong quá trình vận hành mà số lượng bơm cần thiết hoạt động sẽ được điều tiết phù hợp.

Trước khi xuất nhựa từ bể chứa qua thiết bị gia nhiệt cục bộ:

+ Kiểm tra, mở các van dầu cấp và dầu hồi nóng ra vào thiết bị gia nhiệt, khóa van cấp nhựa đường và sau đó tiến hành vận hành nồi hơi cấp dầu truyền nhiệt cho thiết bị làm việc luôn $\geq 250^{\circ}\text{C}$ khoảng 1 giờ đến 1 giờ 30 phút.

+ Kiểm tra nhiệt độ nhựa đường đạt yêu cầu khoảng 130°C - 140°C thì mở van cấp ra bơm để xuất cho ô tô.

- Đảo bồn chứa nhựa đường

Nhằm phục vụ thu hồi nhựa đường lỏng trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa bồn, các máy bơm nhựa sẽ được vận hành. Trước khi bảo dưỡng bồn, đảm bảo nhựa đường lỏng được chuyển sang bồn chứa tại các bồn khác, nguyên tắc chuyển bồn sẽ như sau:

- Khi nhựa đường lỏng trong bồn lớn hơn mực chất lỏng cho phép bơm thì vận hành bơm để chuyển nhựa đường lỏng sang bồn khác để tồn chứa.

- Khi nhựa đường lỏng trong bồn không thể dùng bơm để chuyển nhựa đường sang bồn khác, phải sử dụng van xả đáy để thu hồi và được chứa trong các phuy chứa nhựa đường lỏng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Các sản phẩm chính của dự án chủ yếu của Kho nhựa đường Cần Thơ bao gồm:

- Nhựa đóng phuy (khối lượng nhựa đường mỗi phuy là 200 kg);
- Nhựa Shell.

Sản phẩm được cung cấp cho thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và một số khu vực lân cận.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng

a. Nhu cầu sử dụng phế liệu

Hoạt động của dự án không sử dụng phế liệu

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Dầu FO là nguồn cung cấp nhiệt cho lò gia nhiệt để làm nóng dầu truyền nhiệt. Nhu cầu sử dụng dầu FO khoảng 17 lít/giờ, nguồn cung cấp dầu FO được lấy từ đơn vị cung cấp là tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) trong khu vực.

c. Nhu cầu sử dụng điện năng

Nhu cầu sử dụng điện trung bình 330 kW/ngày chủ yếu là để vận hành máy móc và mục đích chiếu sáng.

Để dự phòng trong trường hợp mất điện, Chủ đầu tư trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA.

4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

** Nguồn cung cấp điện*

Nguồn cung cấp điện cho dự án được lấy từ tuyến đường dây 110 kV trong Khu công nghiệp.

** Nguồn cung cấp nước*

Nguồn cung cấp nước được lấy từ đường ống cấp nước của KCN Hưng Phú 1. Số lượng nhân công khi dự án đi vào hoạt động ổn định là 30 người, nước sử dụng chủ yếu cho hoạt động vệ sinh. Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2015 của UBND thành phố Cần Thơ về việc quy hoạch cấp nước cho thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tiêu chí cấp nước sinh hoạt cho khu vực đô thị loại I là 180 lít/người/ngày.đêm. Do nhân công không lưu trú, chỉ làm việc 8 tiếng nên lượng nước cấp sinh hoạt của công nhân ước tính bằng 1/3 định mức.

Vậy nhu cầu sử dụng nước của dự án được tính toán như sau: $30 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày.đêm} \times 1/3 = 1.000 \text{ lít/ngày}$ (tương đương $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$)

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)

5.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Tên công trình	Kích thước		Diện tích xây dựng (m ²)	Ghi chú
		Dài (m)	Rộng (m)		
1	Bồn chứa nhựa đường (Bồn T1)	D=19,6xH=17,34m		301,57	Giai đoạn 1 (đã hoàn thiện)
2	Nhà văn phòng, nhà ăn – nghỉ CNV	21,22	7,62	161,7	
3	Nhà bơm PCCC, bể nước PCCC	11	7,62	83,82	
4	Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng			1,3	
5	Nhà đóng phuy	14,5	8,85	128,83	
6	Kho rác	4	2,5	10	
7	Bồn trung gian số 1, 2 (50 m ³)	D=3,5xH=6,38m		2x9,62	
8	Bồn trung gian (100 m ³)	D=4p,7xH=10,5		17,34	
9	Bồn dầu FO	5	2,5	12,5	
10	Trạm bơm	6,25	6,7	41,88	
11	Phòng cân hàng	6	5	30	
12	Trạm cân ô tô 80T	20,05	5,1	102,26	
13	Nhà gia nhiệt	12	7,5	90	
15	Nhà bảo vệ	4	3,5	14	
16	Đường nội bộ, bãi đỗ xe và bãi chứa phuy			8704,26	
17	Diện tích thuê đường ống dẫn (nằm ngoài ranh giới khu đất)			335,6	
18	Bồn chứa nhựa đường (Bồn T2)	D=22,5mxH=24,8m		397,41	Giai đoạn 2 (chưa xây dựng)
19	Nhà bơm số 2	6,0	5,6	33,6	
20	Sân bê tông M200			597,19	
Tổng cộng				11.082	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông (Tratimex), 2024)

➤ Khu bồn chứa nhựa đường Dự án bao gồm 02 bồn chứa nhựa đường được đầu tư theo 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: bồn chứa T1 có sức chứa 5.500 m^3 với diện tích $1.041,17 \text{ m}^2$
- Giai đoạn 2 bổ sung thêm bồn T2 sức chứa 7.990 m^3 với diện tích $914,8 \text{ m}^2$, nâng tổng sức chứa lên 13.490 m^3

Bể chứa nhựa đường thiết kế kiểu trụ đứng bằng thép, có mái cầu thoải, không có cột trung tâm, hệ chịu lực đỡ mái là các dầm thép. Bể thi công theo phương pháp lắp ráp từng cấu kiện tại hiện trường.

Đê ngăn cháy: xây xung quanh bể có chức năng ngăn cháy nổ ra khu vực xung quanh bể. Chiều dài tổng cộng 109 m.

Kết cấu:

- Tường xây gạch đặc dày 250 mm, vữa xi măng M50, cao 1,2 m;
- Móng xây gạch rộng 0,4 m và sâu 0,5 m.

➤ Nhà văn phòng

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích: $161,7 \text{ m}^2$ ($21,22 \text{ m} \times 7,62 \text{ m} \times 1 \text{ m}$);
- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 3,1 m;
- Khẩu độ: 7,62 m;
- Bước cột: 4,2 m.

Nhà văn phòng được xây dựng với kết cấu móng đơn BTCT, nền cán vữa, lát gạch trang trí. Kết cấu khung bao gồm khung bê tông cốt thép chịu lực, mái bằng bê tông cốt thép đổ toàn khối dày (80 – 100 mm).

➤ Nhà bơm PCCC, bể nước PCCC

Các thông số kỹ thuật cơ bản của nhà bơm PCCC:

- Phòng vật tư dự trữ: $28,8 \text{ m}^2$ ($3,78 \text{ m} \times 7,62 \text{ m}$);
- Phòng bơm chữa cháy: $22,86 \text{ m}^2$ ($3,0 \text{ m} \times 7,62 \text{ m}$);
- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 3,78 m;
- Khẩu độ: 7,62 m;
- Bước cột: 4 m.
- Kết cấu móng đơn BTCT, nền cán vữa.

Kết cấu khung bao gồm tường xây gạch, liên kết các giằng tường, bên ngoài trát xi măng M75; mái bằng vì kèo thép và lợp tôn.

Các thông số kỹ thuật cơ bản của trạm bơm PCCC:

- Kích thước: 83,82 m² (11 m × 7,62 m);

- Kết cấu bể móng bê tông cốt thép trên nền đóng cọc tre, thân và mái bể bằng bê tông cốt thép dày 220 mm.

➤ Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng

Trạm biến áp được thiết kế là trạm biến áp kios đặt máy biến thế 630kVA-22/0,4kV.

Diện tích khu vực đặt trạm biến áp và máy phát điện dự phòng: 18 m².

➤ Nhà đóng phuy Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 130 m² (8,85 m × 14,75 m);

- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 9,7 m;

- Khẩu độ: 4,8 m;

- Bước cột: 4,8 m.

- Kết cấu nền bê tông xi măng, móng đơn BTCT. Kết cấu khung bao gồm khung kèo, cột thép tiền chế Zamil, vách tôn, mái tôn mạ màu.

➤ Kho rác

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 10 m² (2,5 m × 4 m);

- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 2,5 m;

- Nhịp khung: 2,5 m;

- Bước khung: 4 m.

- Kết cấu móng đơn bê tông, nền bê tông xi măng, trụ gạch, mái xà gồ thép lợp tôn.

➤ Bồn chứa trung gian số 1, 2 (50 m²)

- Trụ đứng bằng thép, có mái cầu thoải;

- Đường kính bồn: 3.500 m (9,3 m²);

- Chiều cao thân bể: H = 6,380 m;

- Kết cấu móng bằng bê tông cốt thép; đáy, thành và mái bể bằng thép dày 2 mm tiêu chuẩn API 650 – 2008.

➤ Bồn chứa trung gian 100 m³

- Trụ đứng bằng thép, có mái cầu thoải;
- Đường kính bồn: 4.300 m (19,63 m²);
- Chiều cao thân bể: H = 7,984 m;
- Kết cấu móng bằng bê tông cốt thép trên nền cọc ly tâm; đáy, thành và mái bể bằng thép dày 2 mm tiêu chuẩn API 650 – 2008.

➤ Bồn dầu FO

- Đường kính bồn: 2.500 m (13,75 m²);
- Chiều dài thân bể: H = 5.100 m;
- Bồn được làm bằng bể Inox trụ nằm, gối đỡ bằng bê tông cốt thép.

➤ Trạm bơm Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng trạm bơm là 30 m² (5 m × 6 m);
- Chiều cao từ nền đến đỉnh là 3,1 m;
- Khẩu độ: 5 m;
- Bước cột: 2,87 m.

Kết cấu móng đơn BTCT, nền lát gạch men kích thước 500 × 500 mm. Kết cấu khung bao gồm khung cột, giằng, mái bằng bê tông cốt thép.

➤ Phòng cân hàng

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 30 m² (5 m × 6 m);
- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 3,1 m;
- Khẩu độ: 5 m;
- Bước cột: 2,87 m.

Kết cấu móng đơn BTCT; nền lát gạch men kích thước 500 × 500 mm. Kết cấu khung bao che: khung cột, giằng, mái bằng bê tông cốt thép.

➤ Trạm cân ô tô 80T

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 30 m² (18 m × 5 m);
- Là hệ cầu thép đặt trên bệ móng bằng bê tông cốt thép để cân tải trọng ô tô.

➤ Nhà gia nhiệt

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 90 m² (12 m × 7,5 m);
- Chiều cao từ nền đến đỉnh: 4,1 m;

Khẩu độ: 7,5 m;

- Bước cột: 5,87 m.

- Kết cấu móng đơn BTCT, nền bê tông M250. Kết cấu khung bao gồm cột, dầm và mái bằng bê tông cốt thép, tường gạch bao che.

➤ Lán để xe

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 40 m² (8 m × 5 m);
- Kết cấu móng xây gạch, cột, dầm và mái bằng thép hộp, mái lợp tôn.

➤ Nhà bảo vệ

Các thông số kỹ thuật cơ bản:

- Diện tích sử dụng: 14 m² (4 m × 3,5 m);
- Kết cấu móng xây gạch, cột, dầm, tường xây gạch, mái lợp tôn.

➤ Đường nội bộ, bãi đỗ xe và bãi chứa phuy

Đường giao thông nội bộ và bãi chứa phuy đổ bê tông đá 2×4 M250, dày 15 cm, đủ khả năng chịu được tải trọng của xe ra vào vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu cho Dự án. Sân chứa phuy bằng bê tông M200 và M300 dày 250 mm, cốt thép D12 chịu tải trọng 30 tấn. Sân bê tông M200, lớp cấp phối đá dăm dày 100 mm. Sân Asphalt hạt trung dày 50 mm, lớp Asphalt hạt thô dầm 70 mm và lớp cấp phối đá dăm dày 150 mm.

5.2. Tiến độ thực hiện dự án

Dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” được thực hiện trong thời gian từ quý II/2024 đến quý IV/2024, tiến độ cụ thể được thể hiện như sau:

Bảng 1.3. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Các bước triển khai Đề án	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện thủ tục môi trường	Quý II/2024 – Quý III/2024
2	Xây dựng bồn T2	Quý III/2024 – quý IV/2024
3	Dự án đi vào vận hành	Quý IV/2024

5.3. Vốn đầu tư

- Theo giấy phép môi trường được cấp: Tổng vốn đầu tư của dự án là 85.582.364.000 đồng (bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

+ Giai đoạn 1 là 70.082.360.000 đồng (Đầu tư toàn bộ cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ, bồn T1)

+ Giai đoạn 2 là 15.500.004.000 đồng (Đầu tư bổ sung thêm bồn T2). Giai đoạn 2 đầu tư sau 2 đến 3 năm sau khi giai đoạn 1 hoạt động ổn định, tùy theo nhu cầu thị trường.

- Nội dung xin điều chỉnh:

Tổng vốn đầu tư: 99.057.400.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ không trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)

Trong đó:

+ Giai đoạn 1 là: 70.082.360.000 đồng (Đầu tư toàn bộ cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ, bồn T1)

+ Giai đoạn 2 là: 28.975.040.000 đồng (Đầu tư bổ sung thêm bồn T2).

Lý do xin điều chỉnh: nâng công suất bồn chứa giai đoạn 2 từ 5.500m³ lên 7.990m³ làm tăng giá trị đầu tư xây dựng

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch vùng: dự án phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022.

- Quy hoạch tỉnh: dự án phù hợp với Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023.

- Dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép môi trường số 120/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Sự phù hợp về đất đai: Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, số 30/2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI ký kết ngày 14/12/2021 giữa Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ và Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư giao thông (TRATIMEX).

Ngoài ra cơ sở còn phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Nhà nước theo các văn bản sau:

- Dự án phù hợp với Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Dự án phù hợp với Quyết định số 880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Dự án phù hợp với Quyết định số 2055/QĐ-TTg ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Dự án phù hợp với Quyết định số 252/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Dự án phù hợp với Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự án phù hợp với nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Dự án phù hợp với nghị quyết 72-NQ/HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Cần Thơ về việc thông qua quy hoạch phát triển giao thông nông thôn Thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Dự án phù hợp với quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội quận Cái Răng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Dự án phù hợp với Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Cái Răng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) đã được cấp quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (cụm A)” tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Khu vực dự án nằm trong Khu công nghiệp Hưng Phú 1, gần với quốc lộ 91 - Nam sông Hậu, khu trung tâm logistics Cái Cui và quốc lộ 1A nên giao thông rất thuận lợi trong hoạt động xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành như thuận tiện vận chuyển hàng hóa, sản phẩm.

Vì vậy, việc thực hiện dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” của Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông (Tratimex) là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải cũng như quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của khu vực phía Nam nói chung và của thành phố Cần Thơ cùng với đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Quận Cái Răng nói riêng.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” của Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông (Tratimex) được xây dựng trong Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), đã được quy hoạch theo Quyết định 1482/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy hoạch đất đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) tại phường Tân Phú, quận Cái Răng.

Theo Hợp đồng số 30/2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI ngày 14/12/2021 về việc cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hưng Phú I (cụm A) tại phường Tân Phú – quận Cái Răng – thành phố Cần Thơ, Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ thực hiện thu gom nước thải từ hệ thống nước thải của Kho nhựa đường Cần Thơ (đã được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)) để xử lý tiếp đến cột A – QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra sông.

Do đó dự án hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường thành phố Cần Thơ năm 2019 thì hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện dự án như sau:

1.1. Hiện trạng môi trường không khí

Vị trí quan trắc: Khu công nghiệp Hưng Phú

Bảng 3.1. Kết quả chất lượng môi trường không khí

Đợt	Lần	Thông số							
		Hướng gió	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Tiếng ồn	TSP	SO ₂	NO ₂
		độ	°C	%	m/s	dBA	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³
1	1	127SE	29,9	67,3	0,0	71,4	273,2	48,2	38,4
	2	127SE	32,3	64,2	0,0	73,8	266,8	47,6	35,9
	3	127SE	33,9	59,9	0,4	68,8	227,2	46,1	33,4
2	1	225SW	28,2	85,2	0,8	68,9	251,2	36,4	30,6
	2	225SW	29,8	78,9	0,9	70,1	271,5	48,7	25,3
	3	225SW	30,9	76,2	1,2	72,8	265,5	43,6	30,1
3	1	226SW	27,8	82,5	0,4	70,2	179,9	28,7	23,6
	2	226SW	28,2	78,4	0,4	72,1	259,9	26,8	25,8
	3	226SW	32,4	60,4	0,0	74,7	239,9	28,0	25,4
4	1	226SW	28,6	77,2	0,5	71,6	219,9	15,8	13,8
	2	226SW	31,2	69,5	0,5	70,8	153,3	14,4	12,0
	3	227SW	33,1	57,2	0,0	68,8	226,5	15,5	10,3
QCVN 05:2013/BTNMT		-	-	-	-	-	300	350	200
QCVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	-	70	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ Thành phố Cần Thơ năm 2019)

Ghi chú: (-) Không quy định;

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy hầu hết các thông số ô nhiễm đều thấp hơn và nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn. Nhìn chung chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án còn khá tốt.

1.2. Hiện trạng môi trường nước mặt

Vị trí quan trắc: vàm Cái Cui

Kết quả chất lượng môi trường nước mặt khu vực thực hiện được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.2. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt

Thông số	Đơn vị	Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		QCVN 08-MT:2015/BTNMT (A1)
		NL	NR	NL	NR	NL	NR	NL	NR	
pH	-	7,28	7,3	7,29	6,9	6,4	7,19	7,22	7,22	6 – 8,5
Nhiệt độ	°C	27,4	28,2	26,6	27,5	26,8	26,8	26,8	26,9	-
Độ đục	NTU	16	45	11	18	15	18	10	12	-
DO	mg/l	5,28	5,24	5,85	5,41	6,25	5,96	5,62	5,26	≥ 6
BOD ₅	mg/l	5	8,3	4,44	5,14	3,83	8,58	7,34	8,44	4
COD	mg/l	11,5	15,7	13,6	15,7	9,6	14,9	11,7	13,8	10
TSS	mg/l	46,5	63,0	38,5	41,5	36,0	37,0	26,5	28,0	20
Amoni	mg/l	0,06	0,08	0,24	0,30	0,20	0,24	0,15	0,19	0,3
Sắt tổng	mg/l	0,20	0,25	0,25	0,47	0,09	0,17	0,08	0,14	0,5
Nitrit	mg/l	0,02	0,04	0,01	0,01	0,00	0,01	0,01	0,01	0,05
Nitrat	mg/l	0,8	0,7	2,0	2,2	0,5	0,8	1,0	1,3	2
Phosphat	mg/l	0,07	0,09	0,06	0,12	KPH	0,05	0,03	0,07	0,1
Cr(VI)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
Florua	mg/l	0,2	0,1	KPH	0,2	KPH	KPH	KPH	0,4	01
Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,0021	0,0043	0,02
As	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,0012	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
Hg	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,001
Coliforms	MPN/100 ml		2.100		2.100		1.100		2.800	2.500

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ thành phố Cần Thơ năm 2019)

Ghi chú:

(-): Không quy định; KPH: không phát hiện;

NL: nước lớn; NR: nước ròng;

QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại vị trí thu mẫu cho thấy chất lượng các thông số BOD₅, TSS, florua và coliforms vượt giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (A1) ở một số thời điểm nhưng không đáng kể, thể hiện chất lượng nước mặt có ô nhiễm hữu cơ và vi sinh, nhiều dinh dưỡng.

1.3. Hiện trạng môi trường đất mặt

Vị trí quan trắc: Khu công nghiệp Hưng Phú

Kết quả chất lượng môi trường đất mặt khu vực thực hiện được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.3. Kết quả chất lượng môi trường đất mặt tại vị trí quan trắc

Thông số		Kết quả quan trắc	QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất công nghiệp)
Cu (mg/kg)	LOD 0,02 (mg/Kg)	KPH	300
Zn (mg/kg)	-	KPH	300
As (mg/kg)	LOD 0,001	KPH	25
Pb (mg/kg)	LOD 0,001	KPH	300
Cd (mg/kg)	LOD 0,001	KPH	10

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ thành phố Cần Thơ năm 2019)

Ghi chú:

(-): Không quy định;

KPH: Không phát hiện;

LOD: Giới hạn phát hiện;

QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn một số kim loại nặng trong đất (đất công nghiệp).

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy giá trị nồng độ các kim loại nặng trong đất mặt tại vị trí khảo sát đều không phát hiện và nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn một số kim loại nặng trong đất.

1.4. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng thảm thực vật: địa hình khu vực thực hiện dự án nằm trong khu vực đã được quy hoạch nên hiện trạng là khu đất trống, chủ yếu là cỏ chỉ (*Cynodon dactylon*), cỏ mực (*Eclipta prostrata*);

Hiện trạng tài nguyên sinh vật: trong khu vực thực hiện dự án có các loài lưỡng cư (như ếch, nhái), bò sát (như rắn, rắn mối), chim thông thường, không thuộc các loài động vật quý hiếm. Bên cạnh đó, do dự án tiếp giáp với sông Hậu nên còn có nhóm cá sông (cá trắng), nhóm này bao gồm nhiều loài cá nước ngọt có cỡ lớn nhỏ khác nhau, có nhiều vây hoặc không có vây, thân có màu trắng như: cá đối (*Mugilidae*), cá tra (*Pangasius*), cá mè (*Osteochilus*).

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải:

+ Sông Hậu là nhánh phía Tây của sông Mê Kông trong lãnh thổ Việt Nam, vừa là nguồn cung cấp nước ngọt chính cho ĐBSCL và TP.Cần Thơ, vừa là ranh giới tự nhiên của TP.Cần Thơ với 02 tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long. Sông Hậu cũng là thủy lộ quốc tế cho các tàu đi về Campuchia,... Sông Hậu là con sông lớn nhất của vùng với tổng chiều dài chảy qua TP.Cần Thơ là 55km, tổng lượng nước sông Hậu đổ ra biển khoảng 200 tỷ m³/năm (chiếm 41% tổng lượng nước của sông Mê Kông), lưu lượng nước bình quân tại sông Cần Thơ là 14.800m³/giây. Tổng lượng phù sa của sông Hậu là 35 triệu m³/năm (chiếm gần 1/2 tổng lượng phù sa sông Mê Kông).

+ Đặc điểm cơ bản nhất của dòng chảy sông Hậu là vừa chịu tác động của dòng chảy thượng nguồn sông Mê Kông, vừa chịu tác động của thủy triều biển Đông, tác động này tùy theo thời gian trong năm. Từ tháng 7 đến tháng 12 dòng chảy trên sông Hậu chịu tác động mạnh của chế độ dòng chảy lũ thượng nguồn, vào cuối tháng 11, đầu tháng 12 do lượng nước thượng nguồn giảm dần, trong khi bán nhật triều ở biển Đông hoạt động mạnh hơn, trên sông Hậu bắt đầu có dòng

chảy ngược. Biên độ triều lớn nhất vào tháng 10 là 16 cm, tháng 11 là 8 cm, tăng dần lên 101 cm trong tháng 1 và đạt đến 126 cm trong tháng 5.

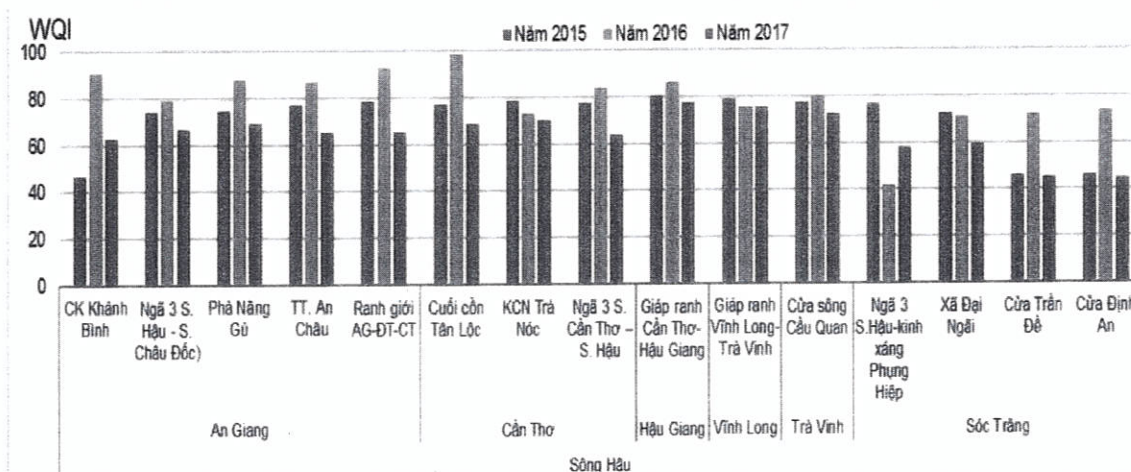
+ Khu vực thực hiện dự án nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều của Biển Đông. Trong một ngày có 2 đỉnh (1 thấp, 1 cao) và 2 chân triều (1 thấp, 1 cao). Thời gian triều lên kéo dài khoảng 6 giờ và thời gian triều xuống khoảng 6 giờ 45 phút đến 7 giờ. Trong tháng có 2 lần nước lớn (ngày rằm và mùng một âm lịch) và 2 lần nước kém (giữa 2 ngày trên). Trong năm, thủy triều cao nhất vào ngày rằm hay 30 âm lịch kế cận hay trùng vào ngày Xuân phân (21/3 dương lịch) hay Thu phân (22/9 dương lịch). Chênh lệch giữa đỉnh và chân triều, vào những ngày triều lớn, có thể từ 2,5 - 3,5 m. Chênh lệch giữa đỉnh và chân triều vào những ngày triều kém thường dưới 1 m. Biên độ hằng ngày kỳ triều cường thường lớn gấp 1,5 lần đến 2 lần kỳ triều kém.

- Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải theo “Báo cáo hiện trạng Môi trường Quốc gia giai đoạn 2016 -2020” của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Chất lượng nước tại lưu vực sông Hậu khá tốt, có nguồn nước dồi dào, lòng sông sâu và rộng nên khả năng tự làm sạch tương đối lớn, góp phần làm giảm mức độ ô nhiễm, đặc biệt là ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng.

+ Vấn đề lớn nhất đối với sông Hậu là suy giảm dòng chảy, xâm nhập mặn và nguy cơ ô nhiễm từ nước thải của các hoạt đô thị, hoạt động nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy, hải sản và các hoạt động công nghiệp cũng đang có những tác động đáng kể đến chất lượng nước sông.

+ Kết quả quan trắc trên sông Hậu cho thấy phần lớn các điểm quan trắc trên sông Hậu có chất lượng nước sông ở mức trung bình, nước sông sử dụng phù hợp cho mục đích tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản và các mục đích tương đương khác.



Hình 3.1. Biểu đồ diễn biến chỉ số WQI trên sông Hậu giai đoạn 2015 – 2017

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí nơi thực hiện dự án

a. Môi trường không khí

Vị trí các điểm lấy mẫu và đo đạc chất lượng môi trường không khí được lựa chọn là vị trí đặc trưng cho chất lượng môi trường bên trong khu đất xây dựng dự án. Chất lượng môi trường không khí trong khu vực dự án được đánh giá thông qua những thông số đặc trưng như sau:

Bảng 3.4. Chất lượng không khí khu vực dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/ BTNMT
			20/06/2024	21/06/2024	22/06/2024	
1	Bụi (TSP)	mg/m ³	0,173	0,192	0,188	0,3
2	Độ ồn	dBA	56,8	59,3	58,7	70 ⁽¹⁾
3	CO	mg/m ³	<8,3	<8,3	<8,3	30
4	SO ₂	mg/m ³	0,052	0,055	0,056	0,35
5	NO ₂	mg/m ³	0,050	0,054	0,051	0,2

(Nguồn: Chủ dự án, năm 2024)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: không khí khu vực bồn T2
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ ồn;
- KPH: Không phát hiện.

Nhận xét: Kết quả đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí khu vực dự án qua 3 đợt thu mẫu cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) và độ ồn nằm trong khoảng cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT. Điều này cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án còn khá tốt.

b. Chất lượng khí thải lò gia nhiệt

Kết quả phân tích khí thải lò gia nhiệt như sau:

Bảng 3.5. Kết quả phân tích khí thải lò gia nhiệt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (ngày 20/12/2023)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Bụi	mg/m ³	154,8	200
2	SO ₂	mg/m ³	251	500
3	NO _x	mg/m ³	352	850
4	CO	mg/m ³	882	1000

(Nguồn: Chủ dự án, năm 2024)

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- KPH: Không phát hiện.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích cho thấy khí thải lò gia nhiệt tại ống thoát khí đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

c. Chất lượng nước thải

Theo Hợp đồng số 30/2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI ngày 14/12/2021 về việc cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hưng Phú I (cụm A) tại phường Tân Phú – quận Cái Răng – thành phố Cần Thơ, Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ thực hiện thu gom nước thải từ hệ thống nước thải của Kho nhựa đường Cần Thơ (đã được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)) để xử lý tiếp đến cột A – QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra sông.

Theo Giấy phép môi trường số 120/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, dự án không thực hiện quan trắc đối với nước thải.

Nhà máy xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hưng Phú I (cụm A) có công suất thiết kế 4.500m³/ngày.đêm được chia thành 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn 2.250m³/ngày.đêm

Hiện tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 với công suất 2.250m³/ngày.đêm

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của giai đoạn 1 và hạ tầng kỹ thuật của dự án đã hoàn thành, ở giai đoạn 2 chỉ tiến hành lắp đặt bồn T2 (giai đoạn 2) nên các tác động giai đoạn xây dựng được đánh giá như sau:

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

1.1.1. Nguồn tác động có liên quan đến chất thải

a. Tác động do bụi, khí thải

- *Khí thải, bụi từ các phương tiện vận chuyển:*

Khí thải của các phương tiện vận tải có chứa bụi (Có kích thước hạt nhỏ hơn 10 micron), SO₂, NO_x, CO, tổng hydrocacbon (THC) có khả năng gây ô nhiễm không khí. Các chất ô nhiễm này có độc tính cao hơn so với bụi từ mặt đất, tác động của chúng tới môi trường phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa hình, khí tượng và mật độ phương tiện vận chuyển trong khu vực.

Theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2003) đối với các phương tiện vận tải có công suất 3,5 – 16 tấn khi sử dụng dầu DO và xăng như sau:

Bảng 4.1. Tải lượng các tác nhân ô nhiễm đối với xe chạy bằng dầu

STT	Tác nhân ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (Kg/tấn)
1	Bụi (TSP)	4,3
2	SO ₂	64
3	NO ₂	55
4	CO	28
5	VOC	12

(Nguồn: WHO, 1993)

Bảng 4.2. Tải lượng các tác nhân ô nhiễm đối với xe chạy bằng xăng

STT	Tác nhân ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (kg/tấn)
1	Bụi (TSP)	3,5
2	SO ₂	64
3	CO	300
4	VOC	30

(Nguồn: WHO, 1993)

Do hầu hết máy móc thiết bị đều sử dụng xăng hoặc dầu DO làm nhiên liệu nên chúng thải ra bụi, SO₂, NO_x, hydrocarbon,... vào không khí.

Theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1993), tải lượng của các chất gây ô nhiễm không khí đối với những loại phương tiện có tải trọng từ 3,5 tấn đến 16 tấn khi sử dụng 01 tấn dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng các khí thải như sau:

Bảng 4.3. Hệ số ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO

STT	Chất ô nhiễm	Bụi (TSP)	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
		(g/xe.km)				
1	Chạy không tải	611.10 ⁻³	582.10 ⁻³	1.620.10 ⁻³	913.10 ⁻³	511.10 ⁻³
2	Chạy có tải	1.190.10 ⁻³	786.10 ⁻³	2.960.10 ⁻³	1.780.10 ⁻³	1.270.10 ⁻³

(Nguồn: WHO, 1993)

Căn cứ vào thực tế triển khai xây dựng dự án, dự kiến số lượt phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị khoảng 2 chuyến/ngày.

Dựa vào số lượt phương tiện và hệ số ô nhiễm ở bảng 4.3, ước tính tải lượng ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị với quãng đường vận chuyển khoảng 20 km thì tải lượng ô nhiễm được tính như sau:

Tải lượng ô nhiễm = (hệ số ô nhiễm) * (số lượt phương tiện vận chuyển) * (quãng đường vận chuyển).

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm không khí được thể hiện trong bảng 4.4 dưới đây:

Bảng 4.4. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện vận chuyển

Thông số	Bụi (TSP)	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
	(g.km/ngày)				
Chạy không tải	24,44	23,28	64,8	36,52	20,44
Chạy có tải	47,6	31,44	118,4	71,2	50,8

(Nguồn: Tổng hợp từ bảng 4.3).

** Hoạt động hàn, cắt kim loại:*

Hoạt động hàn, cắt kim loại, quá trình hàn điện sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như các oxit kim loại: Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO,... tồn tại ở dạng khói bụi. Ngoài ra còn có các khí thải khác như: CO, NO_x. Lượng que hàn được sử dụng chủ yếu là que có đường kính từ 2,5mm – 6mm. Tải lượng các chất ô nhiễm được thể hiện qua bảng 4.5 dưới đây:

Bảng 4.5. Nồng độ các chất khí đo được trong quá trình hàn điện kim loại

Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
	2,5	3,25	4	5	6
Khói hàn (mg/que hàn)	285	508	706	1.100	1.578
CO (mg/que hàn)	10	15	25	35	50
NO _x (mg/que hàn)	12	20	30	45	70

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 2003)

Ước tính lượng que hàn sử dụng khoảng 2.000 que loại 2,5 mm. Thời gian hàn ước tính trong 30 ngày. Tổng tải lượng ô nhiễm do hàn được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.6. Tải lượng ô nhiễm trong quá trình hàn

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)
1	Khói hàn	19
2	CO	0,6
3	NO _x	0,8

Ghi chú:

Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (mg/que hàn) x số lượng que hàn/(30x1000)

Nhận xét: Khí thải từ khói hàn ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân hàn, do vậy cần có các phương tiện bảo hộ cho công nhân hàn sẽ hạn chế được mức độ ô nhiễm ảnh hưởng đến công nhân..

b. Tác động do nước thải

Nguồn gây ô nhiễm nước trong giai đoạn thi công dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường xây dựng. Trong giai đoạn này tập trung nhiều công nhân nhất, khoảng 20 người.

** Nước thải sinh hoạt công nhân:*

Việc tập trung công nhân xây dựng sẽ làm phát sinh nước thải sinh hoạt. Thành phần chủ yếu của nước thải sinh hoạt: chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh. Chất hữu cơ chứa trong NTSH bao gồm: protein (40 ÷ 50%), hydratcacbon (40 ÷ 50%) và các chất béo (5 ÷ 10).

Nước thải sinh hoạt là một loại nước thải có hàm lượng vi sinh vật rất cao và có đặc tính gây ô nhiễm lớn. Ngoài các sinh vật có vấn đề về sinh lý học ra, nước thải sinh hoạt còn chứa các vi khuẩn vô hại, chúng có khả năng phân hủy các chất thải qua sự thủy phân, sự khử và sự oxy hóa. Các chất gây men và các enzym cũng tham gia vào sự phân hủy này.

Số lượng cán bộ giám sát và công nhân xây dựng là 20 người. Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, lượng nước cấp cho công nhân sinh hoạt thường xuyên sử dụng khoảng 120 lít/người/ngày; công nhân tại dự án sinh hoạt tự túc sử dụng khoảng 60 lít/người/ngày, do đó lượng nước cần cung cấp khoảng:

$$20 \text{ người} * 60 \text{ lít/người/ngày} = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Theo QCVN 01:2021/BXD thì chỉ tiêu phát sinh nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước (*chọn bằng 80%*), do đó lượng nước thải sinh hoạt của 20 công nhân làm việc tại công trường khoảng $0,96\text{m}^3/\text{ngày}$.

Dựa vào hệ số phát thải của Trần Đức Hạ, 2006 và ứng với tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường là $0,96 \text{ m}^3/\text{ngày}$, tải lượng và nồng độ các

chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại khu vực xây dựng dự án được tính toán và trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.7. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải* (g/người/ngày)	Tải lượng chất ô nhiễm (g/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm trước xử lý (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A)
1	BOD ₅	45 – 54	900 – 1.080	937,5-1.125	30
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	70 - 145	1.400 – 2.900	1.458,3-3.020,8	50
3	Amoni (tính theo N)	2,4 - 4,8	48 – 96	50-100	5
4	Nitrat (tính theo N)	6 – 12	120 – 240	125-250	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	10 – 30	200 – 600	208,3-347,2	10
6	Phosphat (tính theo P)	0,8 - 4,0	16 - 80	16,7-83,3	5

Nguồn*: Trần Đức Hạ, 2006

Ghi chú:

Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ ngày) = hệ số phát thải (g/người/ngày) x số người phục vụ (người/ngày).

Nồng độ các chất ô nhiễm trước xử lý = tải lượng chất ô nhiễm (kg/ ngày) / tổng lượng nước thải (m³/ngày)

Nhận xét: Từ bảng trên cho thấy, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt có giá trị vượt tiêu chuẩn cho phép rất nhiều lần. Do vậy, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng cần phải được xử lý trước khi thải ra môi trường.

** Nước mưa chảy tràn:*

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực xây dựng sẽ cuốn theo một số tác nhân ô nhiễm như bụi, đất đá, rác.... Nước mưa chảy tràn được ước tính như sau:

Cường độ mưa q (lít/s.ha), xác định theo công thức:

$$q = \frac{A \times (1 + C \times \lg P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

q – cường độ mưa (l/s.ha);

t – thời gian dòng chảy mưa (phút);

P – chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm);

A, C, b, n – tham số xác định theo điều kiện địa phương, theo phụ lục B – TCVN 7957:2008;

$$\text{Vậy, cường độ mưa } q = \frac{9150 \times (1 + 0.53 \times \lg 2)}{(20 + 28)^{0.97}} = 248,26 \text{ (l/s.ha)}$$

Chu kì lặp lại trận mưa tính toán P = 2;

Thời gian mưa 90 (phút);

Diện tích lưu vực tính toán (ha).

Hệ số dòng chảy C = 0,45 (khu vực đang thi công); C = 0,75 (khu vực đã xây dựng)

$$Q = q.C.F$$

Trong đó:

Q – lưu lượng mưa tính toán (l/s)

q – cường độ mưa (l/s.ha);

C – hệ số dòng chảy;

F – Diện tích lưu vực tính toán: diện tích chưa xây dựng: 914,8 m²; diện tích đã xây dựng 10.167,2m²

$$\text{Vậy, tổng lượng mưa là: } Q = (248,26 * 0,45 * 0,09148) + (248,26 * 0,75 * 1,01672) = 200 \text{ (l/s).}$$

Nước mưa khi rơi xuống khu vực xây dựng một phần sẽ thấm vào bề mặt tiếp xúc, một phần sẽ chảy tràn và cuốn theo các vật chất trên bề mặt nước mưa đi qua. Thành phần chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào thành phần vật chất nơi nước mưa đi qua. Trong giai đoạn thi công xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tương đối ít và sẽ được thu gom đúng quy định, cho nên thành phần ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn chủ yếu là các vật chất vô cơ như đất, cát.

c. Tác động do chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là chất thải xây dựng và chất sinh hoạt của công nhân:

- Chất thải sinh hoạt:

Rác sinh hoạt của công nhân tại công trường bao gồm 2 loại:

- Loại không có khả năng phân hủy sinh học: vỏ đồ hộp, vỏ lon bia, bao bì, chai nhựa, thủy tinh... ;

- Loại có hàm lượng chất hữu cơ cao, có khả năng phân hủy sinh học: thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau quả, giấy....

Theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo đầu người khoảng 1 kg/người/ngày. Công nhân sinh hoạt tự túc nên lượng rác sinh hoạt được tính bằng $\frac{1}{2}$ tiêu chuẩn. Số lượng công nhân tham gia thi công lắp đặt máy móc thiết bị cho bồn T2 khoảng 20 người. Do đó lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân là:

$$20 \text{ người} \times 1 \text{ kg/người} \times \frac{1}{2} = 10 \text{ kg/ngày đêm}$$

Mặc dù khối lượng rác thải sinh hoạt không nhiều nhưng nếu không có biện pháp thu gom xử lý thì sau khi quá trình thi công xây dựng kết thúc, tại khu vực xây dựng sẽ xảy ra hiện tượng tích tụ các chất không có khả năng phân hủy sinh học như nhựa, thủy tinh, bao bì kim loại, đồng thời phát sinh các khí gây mùi hôi thối do sự phân hủy các hợp chất hữu cơ, ảnh hưởng đến môi trường đất, nước, không khí.

- Chất thải xây dựng:

Rác thải thông thường gồm sắt, thép vụn, dây điện, ống nhựa...lượng rác này ước tính khoảng 1 – 2 kg/ngày. Phần chất thải này mặt dù không ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe con người nhưng lại gây mất mỹ quan khu vực, nên cũng cần được thu gom và tập trung vào một khu vực quy định trong phạm vi dự án.

d. Tác động do chất thải nguy hại

** Chất thải nguy hại*

Trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, đơn vị thi công sử dụng que hàn để liên kết các vật liệu kim loại với nhau, nên trong giai đoạn này CTNH phát sinh chủ yếu là từ đầu que hàn thải bỏ, khoảng 1kg/30 ngày (chỉ phát sinh trong 30 ngày thực hiện hoạt động hàn, cắt kim loại). Máy móc thiết bị khi tiến hành bảo dưỡng sẽ được yêu cầu đến các trạm bảo trì và sửa chữa, vì vậy nên không phát sinh dầu nhớt thải.

Lượng CTNH này cần được quản lý và xử lý theo đúng quy định nếu không sẽ gây ra những tác động tiêu cực lên các thành phần môi trường đất, nước, không khí, cũng như ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp lên sức khỏe con người.

1.1.2. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình vận chuyển và lắp đặt máy móc thiết bị sẽ làm gia tăng tiếng ồn, rung trong khu vực dự án và các khu vực lân cận. Tiếng ồn, rung phát sinh chủ yếu từ các nguồn:

- Phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị;
- Hoạt động cưa cắt, lắp đặt máy móc thiết bị;

Ô nhiễm tiếng ồn sẽ gây những ảnh hưởng xấu đối với con người và động vật nuôi trong vùng chịu ảnh hưởng của nguồn phát. Nhóm đối tượng chịu tác động của tiếng ồn thi công bao gồm: công nhân trực tiếp thi công, người đi đường.

Mức độ tác động có thể phân chia theo 3 cấp đối với các đối tượng chịu tác động như:

- + Nặng: công nhân trực tiếp thi công và các đối tượng khác ở cự ly gần (trong vùng bán kính chịu ảnh hưởng < 100m);
- + Trung bình: Tất cả các đối tượng chịu tác động ở cự ly xa (từ 100 đến 500m);
- + Nhẹ: Người đi đường và hệ động vật nuôi.

b. Tác động đến môi trường văn hóa, xã hội:

Việc tập trung một số lượng lao động trong một thời gian kéo dài sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong khu vực phát triển. Công tác xây dựng cũng cần huy động một số lao động tại chỗ, góp phần giải quyết việc làm cho một phần lao động nhàn rỗi tại địa phương. Tuy nhiên, ngoài tác động tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương, việc tập trung lao động để xây dựng dự án còn dẫn đến một số tác động tiêu cực về vấn đề xã hội như: làm tăng khả năng phát sinh các vấn đề về an ninh trật tự, tệ nạn xã hội. Ngoài ra, có thể dẫn đến khả năng xảy ra các xung đột giữa công nhân lao động và người dân xung quanh. Đây là loại mâu thuẫn xã hội khó có thể tránh khỏi nhưng có thể giảm thiểu đến mức thấp nhất bằng sự thống nhất quản lý giữa chủ thầu và chính quyền địa phương.

c. Tác động đến giao thông trong khu vực:

Ngoài những tác động nêu trên, sự gia tăng mật độ của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển máy móc thiết bị sẽ làm tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông dọc theo các tuyến vận chuyển. Tuy nhiên, năng lực vận tải của các tuyến giao thông trong khu vực hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu giao thông nên quá trình thi công xây dựng không ảnh hưởng nhiều đến giao thông trong khu vực.

1.1.3. Các rủi ro, sự cố trong môi trường

*** Khả năng cháy nổ:**

- Các sự cố về điện: chập điện; quá tải do sử dụng dây dẫn có tiết diện không đảm bảo; điện trở tiếp xúc do đấu nối dây dẫn không tốt.
- Sự cố của máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.
- Do vi phạm nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng.
- Sơ suất của công nhân trong quá trình hàn.

Cháy nổ xảy ra rất khó xử lý và thiệt hại về tài sản hoặc tính mạng con người là điều không thể tránh khỏi. Không những thế, nếu cháy nổ xảy ra trên diện rộng thì khói bụi từ quá trình này sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí, tàn tro sau cháy nổ gây ô nhiễm đất và khi có mưa chảy tràn qua sẽ là nguồn gây ô nhiễm nước mặt, nước sử dụng để chữa cháy chứa nhiều tàn tro, bụi, đất, cát và kết hợp với các khí sinh ra trong quá trình cháy cũng sẽ là nguồn gây ô nhiễm nước mặt.

*** Tai nạn lao động:**

Nguyên nhân tai nạn lao động ở công nhân là:

- Tai nạn do bất cẩn trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị gây ra.
- Tai nạn do mất an toàn về điện.
- Việc để rơi vãi đinh sét, dây kẽm sét, đinh rỉ,... lên đường nội bộ khu vực dự án dễ làm cho người qua lại dẫm phải và đưa đến một căn bệnh rất nguy hiểm đối với tính mạng con người.

Tai nạn lao động thường xảy ra vào thời điểm công nhân làm việc căng thẳng, mất tập trung hoặc do không tuân thủ quy định về ATLĐ trong sử dụng trang bị bảo hộ lao động hoặc do sự cố kỹ thuật.

*** An toàn giao thông đường bộ**

Phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị về dự án bằng xe tải. Vì vậy tai nạn giao thông có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và tại các khu vực bốc dỡ máy móc thiết bị,...

Các phương tiện chuyên chở máy móc thiết bị khi ra vào dự án nếu người điều khiển sơ xuất cũng có thể gây tai nạn giữa các phương tiện này với nhau và với công nhân lắp đặt thiết bị hay các công nhân sản xuất của phần hiện hữu.

Hoạt động đi lại hằng ngày của công nhân nếu sơ xuất cũng có thể xảy ra tai nạn giao thông. Tai nạn giao thông là nguyên nhân gây ra những thương tật hoặc chết chóc bất ngờ và đau thương nhất, Công ty sẽ chú ý để khắc phục tránh những tai nạn gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tính mạng cũng như tài sản của mọi người trong công trường.

*** Ảnh hưởng đến hoạt động hiện hữu**

Hoạt động lắp đặt thiết bị để nâng công suất được thực hiện song song với các hoạt động hiện hữu của dự án, hầu hết các nguồn tác động liên quan như đã đánh giá tác động ảnh hưởng ở khu vực dự án đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động làm việc, cũng như sức khỏe công nhân. Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra (*sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông*) sẽ đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng quá trình hoạt động của công nhân đang làm việc.

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

a. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

➤ Nước mưa chảy tràn

Trong giai đoạn thi công xây dựng, biện pháp tiêu thoát nước mưa chảy tràn được thực hiện như sau:

- Hướng thoát nước chủ yếu trên toàn bộ diện tích dự án chảy theo độ dốc của địa hình và theo hướng chảy thoát về cống thoát nước hiện hữu.

- Trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo theo trình tự và kỹ thuật thi công. Kết nối linh động đảm bảo tiêu thoát nước, tránh ngập úng cục bộ tại khu vực thi công.

- Chủ đầu tư kết hợp Đơn vị thi công thực hiện thu gom chất thải rắn, vệ sinh mặt bằng sạch sẽ vào cuối mỗi ngày thi công xây dựng.

➤ *Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt ở giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là của công nhân làm việc tại công trường; lượng nước thải này có lưu lượng không lớn nhưng có nồng độ ô nhiễm cao, các giải pháp để hạn chế ảnh hưởng do nước thải sinh hoạt là sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu đã được xây dựng ở giai đoạn 1 để phục vụ sinh hoạt của công nhân.

b. Về công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

** Giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị*

Khí thải từ các phương tiện vận chuyển có chứa bụi, SO₂, NO₂, CO và khí hydrocacbon, chì,... Để hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định.

- Sử dụng phương tiện còn thời hạn đăng kiểm.
- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc để chúng luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Các máy móc phải được sử dụng nhiên liệu đúng tiêu chuẩn quy định.

** Giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn – cắt kim loại*

Khí thải phát sinh từ quá trình hàn, tiện kim loại chủ yếu gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc. Giải pháp giảm thiểu là trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, mặt nạ hàn, ủng,...) cho công nhân. Bên cạnh đó, trong quá trình hàn khí yêu cầu công nhân không để ngọn lửa cháy tự do, phải điều chỉnh ngọn lửa phù hợp để hạn chế khí độc phát sinh, khi nghỉ phải khóa mở hàn.

c. Về công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 10 kg/ngày và biện pháp kiểm soát ô nhiễm chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- Yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi;
- Chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý chung với chất thải sinh hoạt của hoạt động hiện hữu.
- Hiện tại Công ty đang hợp đồng với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

*** Chất thải thông thường:**

Rác thải xây dựng chủ yếu là các loại đinh hồng, sắt thép vụn, ... các chất thải này sẽ được chủ dự án thu gom bán phế liệu.

d. Về công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Trang bị thùng chứa chất thải nguy hại như sau:
 - + Thùng có nắp đậy, trên thùng được dán nhãn phân loại (chất thải nguy hại rắn, lỏng, sắc nhọn).
 - + Vị trí lưu trữ: kho chứa CTNH hiện hữu, có diện tích là 9m².
 - + Tần suất thu gom: 01 lần/năm
 - + Hiện tại Công ty đang hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

e. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

Không sử dụng phương tiện vận chuyển có mức ồn > 70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn > 70 dBA để thi công vào giờ nghỉ ngơi của công nhân phần hiện hữu. Tất cả các phương tiện khi đỗ ở hiện trường sẽ tắt động cơ. Các lái xe được giáo dục tốt để có hành vi đúng như tắt máy khi không cần thiết và tránh những hành động gây ồn không đáng có như nhấn còi hơi khi không cần thiết trong khi điều khiển phương tiện.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân làm việc trật tự, không gây ồn ào, vận chuyển máy móc thiết bị phải nhẹ tay để hạn chế gây ra tiếng ồn. Không thi công lắp đặt vào giờ nghỉ: sáng từ 11 ÷ 13 giờ, tối sau 18 giờ.

f. Về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Giảm thiểu tác động do công nhân tập trung xây dựng:
 - + Áp dụng các hình thức kỷ luật, xử phạt các vi phạm không tuân thủ quy định bảo vệ môi trường;
 - + Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, nghiêm cấm mọi hành vi vứt rác và phóng uế bừa bãi;
 - + Tổ chức các buổi tập huấn an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cho công nhân và thực hiện giám sát các biện pháp này;
 - + Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề môi trường, kinh tế - xã hội do tác động của dự án đối với các khu vực xung quanh;

+ Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu khi sử dụng công nhân từ địa phương khác phải đăng ký tạm trú tại khu vực.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động do gia tăng mật độ giao thông:

+ Có kế hoạch bố trí giao thông ra vào dự án hợp lý, khoa học;

+ Không thực hiện việc chuyên chở máy móc, thiết bị trong giờ cao điểm (sáng từ 6 đến 8 giờ, chiều 16 đến 19 giờ) và vào các giờ nghỉ trưa, vào ban đêm nhằm tránh làm ách tắc giao thông, gây tai nạn và ảnh hưởng đến đời sống của người dân;

+ Mọi tổn thất do quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị do chủ phương tiện chịu trách nhiệm và chi trả, đền bù các thiệt hại về tài sản và con người do quá trình lưu thông phục vụ dự án gây ra.

g. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

** Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ tại khu vực lắp đặt máy móc thiết bị*

Để phòng ngừa khả năng cháy nổ, các biện pháp được áp dụng:

- Bố trí bình chữa cháy thường xuyên tại công trường. Các phương tiện, trang thiết bị phòng chống cháy sẽ được kiểm tra, bảo trì thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.

- Yêu cầu công nhân không hút thuốc ở những nơi dễ cháy, tại những nơi chứa nhiên liệu dễ cháy phải có biển báo cấm lửa.

** Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tai nạn lao động:*

Để những rủi ro ít xảy ra nhất cần có những biện pháp hạn chế bằng cách phải tuân thủ các quy định của nhà nước về các mặt:

- Trong lao động: Các quy định về ATLĐ được áp dụng một cách nghiêm ngặt.

- Các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật được kèm theo, các thông số kỹ thuật được kiểm tra thường kỳ.

- Các công nhân trực tiếp thi công, vận hành máy móc và thiết bị được đào tạo thực hành theo nguyên tắc đúng đắn, vận hành đúng nguyên lý thiết bị, kiểm tra và bảo trì định kỳ. Công nhân được hướng dẫn thực hành ứng xử với các sự cố theo nguyên tắc an toàn khi có sự cố. Các thiết bị và các thiết bị an toàn được chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó kịp thời những sự cố xảy ra.

- Khi thi công và lắp ráp ở trên giàn giáo hoặc thiết bị trên cao, công nhân được đeo dây an toàn.

- Thiết lập đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo ATLĐ trong quá trình thi công;

- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết;

- Trang bị các dụng cụ sơ cấp cứu tạm thời như: thuốc men, bông băng,... để kịp thời cấp cứu cho công nhân trong trường hợp công nhân bị ngất hoặc bị thương, đặc biệt trong trường hợp mùa nắng.

** Phòng ngừa các rủi ro về mất an toàn giao thông đường bộ:*

- Tuân thủ quy định chung: không tập kết máy móc thiết bị ngoài phạm vi lắp đặt. Các lái xe của dự án và những công nhân thi công hiểu và tuân thủ các quy định về an toàn giao thông và không được uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích.

** Giảm thiểu tác động đến hoạt động hiện hữu*

Để đảm bảo quá trình lắp đặt bồn T2 bị ảnh hưởng thấp nhất đến hoạt động của khu vực hiện hữu, chủ dự án thực hiện một số biện pháp sau:

- Đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như đã trình bày ở trên.

- Xây dựng kế hoạch lắp đặt cụ thể, hợp lý.

- Công nhân bên cạnh việc tuân thủ quy định an toàn trong quá trình lắp đặt thiết bị cần tuân thủ các quy định chung của Công ty.

- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố: an toàn lao động, phòng ngừa sự cố cháy nổ,... cần thực hiện đúng và đầy đủ.

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn dự án vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp nên trong Báo cáo bỏ qua nội dung này.

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Công trình, biện pháp xử lý nước thải giai đoạn vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp nên trong báo cáo bỏ qua nội dung này.

2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp nên trong báo cáo bỏ qua nội dung này.

2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại) giai đoạn vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp nên trong báo cáo bỏ qua nội dung này.

2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung giai đoạn vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp nên trong báo cáo bỏ qua nội dung này.

2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, cụ thể như sau:

➤ *Phương án, biện pháp phòng chống cháy nổ*

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài;

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra;

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn;

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất;

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác;

- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước;

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy bên trong công trình gồm hệ thống bình chữa cháy CO₂, bình bột chữa cháy MFZ, hệ thống phun nước làm mát, hệ thống Foam chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy cố định được trang bị trong các hạng mục như nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà kho, khu bồn chứa nhựa đường lỏng. Số lượng bình bố trí phù hợp với quy mô của công trình, vị trí lắp đặt bảo đảm an toàn, dễ sử dụng, đạt hiệu quả cao;

- Hệ thống cấp nước cứu hoả phòng cháy, chữa cháy dùng đường ống thép. Toàn bộ hệ thống được đi nổi, ngầm dưới đất. Trên mặt bằng bố trí các hố van, kết cấu hố van bằng bê tông M100 dày 10cm;

- Hệ thống nước cứu hoả phòng cháy, chữa cháy được đầu nối trực tiếp với bể nước cứu hoả (nguồn nước cấp từ hệ thông chung và của kho). Trụ nước chữa cháy đặt ngoài nhà và khu bồn chứa nhựa đường, đường ống chữa cháy đảm bảo đủ dài, áp suất đủ lớn để đảm bảo nước tới những điểm cao cần thiết;

- Xây dựng đê ngăn cháy xung quanh bồn chứa. Bên cạnh đó, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp chống sét như:

- Nhà xưởng, tòa văn phòng của công ty sẽ được lắp đặt hệ thống chống sét ở các khu vực cao và dễ bị sét đánh. Hệ thống chống sét được lắp đặt bằng dây dẫn nối với hệ thống tiếp địa. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, được cải tiến theo công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn;

- Sử dụng hệ thống tiếp đất an toàn cho chống sét đánh thẳng và hệ thống tiếp đất an toàn cho thiết bị điện;

- Trong giai đoạn thiết kế chi tiết cần tính toán lại chiều sâu cọc tiếp đất đảm bảo điện trở tiếp đất an toàn cho hệ thống chống sét đánh thẳng và hệ thống tiếp đất an toàn cho các thiết bị điện đáp ứng yêu cầu sau:

+ Hệ thống tiếp đất cho hệ thống đánh thẳng: yêu cầu có trị số tiếp đất $R \leq 10\Omega$;

+ Hệ thống tiếp đất an toàn các thiết bị điện và các thiết bị khác được sử dụng trong trạm: thường yêu cầu trị số tiếp đất $R \leq 04\Omega$.

➤ *Phương án, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động*

- Trang bị các thiết bị sơ cứu cần thiết, được đặt trong khu vực làm việc của công nhân và phòng bảo vệ;

- Công nhân phải được huấn luyện an toàn lao động, được trang bị đầy đủ các trang, thiết bị bảo hộ lao động. Giám sát việc thực hiện các loại trang bị bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc;

- Niêm yết các quy định về vệ sinh, an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong các khu vực làm việc của cán bộ, công nhân;

- Kiểm tra sức khỏe của công nhân định kỳ;

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển của công ty thực hiện nghiêm túc luật giao thông đường bộ, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm theo tải trọng cho phép đối với tải trọng quy định của đường;

- Có kế hoạch vận chuyển hợp lý, hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm gây ách tắc giao thông khu vực.

➤ *Phương án, biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu*

- Bồn chứa luôn ở trạng thái kín, đảm bảo các thiết bị luôn ở tình trạng tốt;

- Áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong việc kiểm soát và chống nóng các bồn chứa;

- Theo dõi chặt chẽ quá trình nhập, xuất nhựa đường;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn; phát hiện kịp thời rò rỉ trên đường ống để khắc phục ngay.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thực hiện các công trình xử lý môi trường sau:

Bảng 4.8. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Đơn vị quản lý
1	Công trình thu gom chất thải rắn	Chủ đầu tư
2	Công trình thu gom chất thải nguy hại (kho chứa chất thải nguy hại)	Chủ đầu tư
3	Thu gom, thoát nước mưa	Chủ đầu tư
4	Thu gom, thoát nước thải	Chủ đầu tư
5	Hạng, lắp vòi phòng cháy chữa cháy	Chủ đầu tư

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

Dự án không thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của Dự án được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 4.9. Kế hoạch xây lắp công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của Dự án

STT	Công trình, biện pháp BVMT	Tiến độ
1	- Hút hầm tự hoại. - Nạo vét hệ thống đường ống, rãnh thoát nước mưa.	Trong suốt quá trình hoạt động
2	- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện. - Định kỳ 1 tháng/lần cho công nhân vệ sinh tại khu vực lò gia nhiệt. - Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành giám sát khí thải tại khu vực để theo dõi nồng độ khí thải ra môi trường không khí xung quanh.	
3	- Bố trí các thùng đựng rác tại các khu vực để tiến hành thu gom, phân loại và ký kết hợp đồng với đơn vị môi	

STT	Công trình, biện pháp BVMT	Tiến độ
	trường đến thu gom, vận chuyển và xử lý. - Thu gom CTNH, hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển và xử lý.	

Dự án không có thiết bị quan trắc khí thải, nước thải tự động, liên tục.

3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án trong cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành, được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 4.10. Dự toán kinh phí đối với công trình, biện pháp BVMT của Dự án

Stt	Công trình, biện pháp BVMT	Dự toán Kinh phí (đồng)
1	- Hút hầm tự hoại. - Nạo vét hệ thống đường ống, rãnh thoát nước mưa.	10.000.000/năm
2	- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện. - Định kỳ 1 tháng/lần cho công nhân vệ sinh tại khu vực lò gia nhiệt. - Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành giám sát khí thải tại khu vực để theo dõi nồng độ khí thải ra môi trường không khí xung quanh.	20.000.000/năm
3	- Bố trí các thùng đựng rác tại các khu vực để tiến hành thu gom, phân loại và ký kết hợp đồng với đơn vị môi trường đến thu gom, vận chuyển và xử lý. - Thu gom CTNH, hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển và xử lý.	10.000.000/năm

(Nguồn: Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông (TRATIMEX), 2024)

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Cơ quan tổ chức triển khai thực hiện dự án và quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông (TRATIMEX).

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

Chương V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học)

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp, cụ thể như sau:

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại dự án
- Lưu lượng xả nước thải tối đa:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại dự án với lưu lượng xả thải tối đa là 1 m³/ngày.
- Dòng nước thải: 01 dòng (là dòng nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp).
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn đạt Cột B – QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (Hợp đồng số 30/2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI ngày 14/12/2021 về việc cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hưng Phú I (cụm A) tại phường Tân Phú – quận Cái Răng – thành phố Cần Thơ – đính kèm phụ lục).

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	pH	mg/l	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	TSS	mg/l	100
4	COD	mg/l	150
5	Sunfua	mg/l	0,5
6	Amoni	mg/l	10

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
7	Tổng Nito	mg/l	40
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Tổng phốt pho	mg/l	6
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Điểm xả nước thải sau xử lý: đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy

+ Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp, cụ thể như sau:

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Ống khói cao 15m tại khu vực lò gia nhiệt

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 01: Ống khói tại khu vực lò gia nhiệt với lưu lượng xả thải tối đa là 20.000 m³/h.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Các chất ô nhiễm đạt giá trị C_{max} của QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với k_f=1,0; k_v=1,0

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm khí thải

STT	Thông số	Nồng độ	
		C (mg/Nm ³)	C _{max} (mg/Nm ³)
1	Bụi tổng	200	200
2	Cacbon oxit, CO	1000	1000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	500	500

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả thải:

○ Tọa độ xả khí thải: X(m): 1104054,434; Y(m): 590812,672

○ Dòng số 01: Ống khói tại khu vực lò gia nhiệt

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn (theo yêu cầu sản xuất)

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp, cụ thể như sau:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

+ Nguồn số 2: từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Khu vực xe ra vào;

+ Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” thuộc công trình xử lý chất thải không phải vận hành thử nghiệm tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc khí thải lò gia nhiệt bằng dầu FO:

- Vị trí: 01 mẫu tại vị trí đầu ra ống khói;
- Tần suất: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Các hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác của dự án được thực hiện cụ thể như sau:

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: khu vực chứa chất thải sinh hoạt;

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần;
- Tần suất: hằng ngày.

Giám sát chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: kho chứa chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần;
- Tần suất: hằng ngày.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm dự kiến khoảng 15.000.000 đồng/năm (*Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*).

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông (Tratimex) là Chủ đầu tư dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” cam kết các thông tin, dữ liệu của hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường hoàn toàn chính xác, trung thực.

- Nhựa đường được Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông (Tratimex) nhập về kho là nhựa thành phẩm thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có mã 2173.20.00 theo Thông tư 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về Ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và không thuộc danh mục phế liệu theo Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 09 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

- Chủ dự án cam kết xử lý bụi, khí thải, nước thải đạt chất lượng theo quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

+ Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

+ Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Chủ dự án cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH đúng quy định.

- Chủ dự án cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan dự án. Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan hoạt động của dự án.

- Chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của dự án

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án nhằm ứng phó sự cố nếu có xảy ra.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0200401834

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 07 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 24, ngày 13 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRADING AND TRANSPORT MATERIALS IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRATIMEX

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 2/201 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3654434

Fax: 0225.3551826

Email: contact@tratimex.com

Website: tratimex.com

3. Vốn điều lệ: 290.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 290.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ VĂN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/07/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031075019785

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 13, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A10912B, Vinhomes Gardenia, đường Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: HOÀNG VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 09/09/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042072000020

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 18 Tam Bạc, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố
Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 18 Tam Bạc, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố
Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 120/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 22 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần thương
mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông (TRATIMEX) số 22/CV-TTM ngày 22
tháng 9 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
3768/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư
giao thông (TRATIMEX), địa chỉ tại số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy
Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ
môi trường của dự án “Kho nhựa đường Cần Thơ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- 1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “Kho nhựa đường Cần Thơ”.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), phường Tân
Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh
nghiệp số 0200401834; đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2000, đăng ký thay
đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 07 năm 2022; do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc
Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
 - Giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận đầu tư số 2245522651; Chứng nhận
lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 2022; do Ban Quản lý các khu chế xuất và công
nghiệp Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 0200401834.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà kho.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công suất kho: Tổng công suất kho là 11.000 m³ bao gồm 02 bồn chứa: Bồn chứa T1 công suất 5.500 m³ và bồn chứa T2 công suất 5.500 m³. Công suất nhập: 170 m³/giờ;

+ Công suất cho ô tô xitec: Xuất bằng máy bơm 60 m³/giờ (16 phút/xe) trường hợp nhựa đường mới nhập nhiệt còn đáp ứng nhu cầu của khách hàng; Xuất bằng tự chảy qua bể trung chuyển: 9,36 m³/giờ.

- Diện tích 11.082 m²;

- Tổng mức đầu tư: 85.582.364.000 đồng (VNĐ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông (TRATIMEX) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo) Giấy phép môi trường số 120 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hưng Phú - Cụm A, giai đoạn 1 (không xả ra môi trường) do Quỹ Đầu tư và phát triển thành phố Cần Thơ làm Chủ dự án.

- Dự án được miễn quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hưng Phú - Cụm A, giai đoạn 1 theo quy định (Hợp đồng thuê lại đất số 30/2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ và Công ty Cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông (TRATIMEX)).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Khi dự án đi vào hoạt động nguồn phát sinh nước thải chủ yếu là hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại dự án. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào vận hành tối đa 01 m³/ngày.

Để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, cơ sở sẽ xây dựng loại bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại được xây ngầm ngay bên dưới khu vực nhà vệ sinh với thể tích 4,5 m³ (kích thước 2×1,5×1,5 m). Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại bể tự hoại sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Bể tự hoại có 03 ngăn đó là: Ngăn chứa - Ngăn lọc - Ngăn lắng.

- Ngăn chứa: Là ngăn chứa nước thải trực tiếp trong quá trình sử dụng. Chất thải khi vừa mới thải ra sẽ được trôi xuống ngăn chứa và được lưu giữ tại đây một thời gian nhất định để chờ phân hủy. Sau quá trình phân hủy, các chất thải này sẽ biến thành bùn, riêng đối với các thành phần khó phân hủy sẽ đọng lại. Ngăn chứa

này có không gian diện tích lớn nhất, bằng 2 ngăn kia cộng lại, bởi đây là nơi chứa đựng chất thải từ khi chưa được phân hủy.

- Ngăn lắng: Các chất thải sau khi đã được xử lý ở ngăn chứa sẽ được chuyển sang ngăn tiếp theo là ngăn lắng. Những chất thải không thể phân hủy được ở ngăn chứa sẽ được đưa vào ngăn lắng (ví dụ như: kim loại, tóc, vật cứng,...).

- Ngăn lọc: Các chất thải sau khi đã được xử lý ở ngăn chứa và ngăn lắng sẽ được chuyển sang ngăn cuối cùng là ngăn lọc. Ngăn này có chức năng lọc các chất thải còn đang lơ lửng. Ngăn lọc cũng sẽ chiếm thể tích 1 phần, bằng ngăn lắng trong cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.

- Để duy trì hiệu suất của bể tự hoại thì định kỳ hút bể phốt với tần suất 6 tháng/1 lần, thường xuyên bổ sung chế phẩm vi sinh với tần suất 2 tháng/lần tăng hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm do công trình xử lý nước thải thuộc Điểm d Khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Kèm theo Giấy phép môi trường số: 120/GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Ống khói cao 15m tại khu vực lò gia nhiệt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (trường hợp có từ 02 dòng khí thải xả vào môi trường không khí trở lên, các dòng khí thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng khí thải thứ nhất):

2.1. Vị trí xả khí thải: X: 1104054,434; Y: 590812,672.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (ghi rõ xả khí thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: -

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất):

- Giảm thiểu tác động khí thải và mùi hôi từ hoạt động xuất nhựa đường ra phuy hoặc ra ô tô xitec:

+ Thiết kế các khu vực xếp hàng hóa khoa học, đảm bảo dễ lấy, thuận tiện

trong khâu bốc dỡ;

- + Tự động hóa quá trình xuất nhựa đường, hạn chế thao tác của công nhân;
- + Tuổi ẩm hàng ngày khu vực sân, bãi – nơi các xe ra vào bốc dỡ hàng hóa;

+ Để đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty sẽ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đồng thời yêu cầu bắt buộc đối với công nhân của kho, trong quá trình làm việc tại khu vực xuất nhựa đường, khu vực lò đốt phải sử dụng đúng các loại bảo hộ lao động đã được trang bị như khẩu trang, găng tay, mũ,...

- *Tác động nhiệt từ bồn chứa nhựa đường*: Công ty sử dụng biện pháp kỹ thuật tại khâu thiết kế và lắp đặt bồn chứa nhựa đường và các đường ống nhập bằng lớp bọc bảo ôn nhằm bảo quản được nhiệt độ bên trong để nhựa đường không hóa rắn và không tỏa nhiệt ra bên ngoài. Cấu tạo của lớp bọc bảo ôn bao gồm:

- + Lớp nhôm A3003;
- + Lớp bông thủy tinh (độ dày của bồn chứa và đường ống khác nhau);
- + Lớp vải PVC chịu nhiệt hoặc vải thủy tinh quấn bên ngoài lớp bông đã được quấn dây thép để chống thấm và bảo vệ, sử dụng loại vải có khổ rộng từ 20-25cm;
- + Lớp bảo ôn ngoài cùng dùng dùng inox 304 dày 0,4mm liên kết bằng gấp mép và bắt vít tán chìm.

- *Giảm thiểu bụi, khí thải lò gia nhiệt đốt dầu FO*:

- + Lắp đặt ống khói cao 15 m tại khu vực lò gia nhiệt tại vị trí cuối hướng gió, cách xa khu văn phòng làm việc;
- + Định kỳ 1 tháng/lần cho công nhân vệ sinh tại khu vực lò gia nhiệt;
- + Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành giám sát khí thải tại khu vực để theo dõi nồng độ khí thải ra môi trường không khí xung quanh.

- *Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này)*: -

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có): -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 120 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- *Nguồn số 1:* Nguồn ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án và máy phát điện

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn số 1:* Khu vực xe ra vào và vị trí đặt máy phát điện dự phòng

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (*ghi tên quy chuẩn áp dụng*), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-18 giờ	Từ 18-6 giờ	-	Khu vực đặc biệt
	75	Mức nền		
2	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: -

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 120 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)



A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng lượng chất thải nguy hại dự báo khoảng 3,6 kg/ngày; danh mục gồm các chất sau:

STT	Tên loại CTNH	Mã nguồn CTNH	Khối lượng
1	Giẻ lau nhớt và dầu	18 02 01	33
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (nhớt thải)	17 02 03	41
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	16
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	18

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: -

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 13 kg/ngày, bao gồm: bao bì nilong, chai nhựa, giấy vụn, thức ăn thừa...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án sẽ được thu gom phân loại và lưu giữ vào các thùng chứa có nắp đậy riêng biệt (theo mã nguồn CTNH) và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cạnh bên kho chứa chất thải rắn với diện tích 9 m². Bên ngoài có gắn biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, bên trong xây tường ngăn phân ra các ô nhỏ, mỗi ô lưu giữ một loại chất thải nguy hại trong các thùng chứa theo quy định.

Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phải được thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh với tần suất 06 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: -

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: -

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: -

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sẽ được phân loại tại nguồn theo quy định bố trí các thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

Lượng chất thải này được tiến hành thu gom, phân loại thành 02 phần bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải có thể tái sử dụng, tái chế. Đối với chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào thùng và kho chứa; chất thải tái sử dụng, tái chế sẽ được lưu giữ lại trong kho.

Bên cạnh đó, Chủ đầu tư sẽ bố trí các thùng đựng rác nhỏ tại các khu vực để tiến hành thu gom, phân loại và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1-2 lần/ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 120 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án có trách nhiệm thu gom, chuyển giao nước thải cho đơn vị hạ tầng khu công nghiệp để xử lý theo quy định. Trong trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về sự thay đổi để được hướng dẫn, thực hiện thủ tục theo quy định./.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **2245522651**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02: Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2245522651 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 3 năm 2022 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 15 tháng 8 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG nộp ngày 25 tháng 4 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Chứng nhận:

Dự án đầu tư **KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ**; mã số dự án 2245522651 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 3 năm 2022 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 15 tháng 8 năm 2022; được đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư, công suất thiết kế, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200401834; ngày cấp lần đầu 28 tháng 7 năm 2000, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 13 tháng 11 năm 2023; quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ



Mã số thuế: 0200401834.

Địa chỉ trụ sở: Số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 0225.3654434

Fax: 0225.3551826

Email: contact@tratimex.com

Website: tratimex.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: HOÀNG VĂN QUANG Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày sinh: 09/09/1972; Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân số: 042072000020; ngày cấp: 09/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số 18 phố Tam Bạc, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: Số 8, đường Hoa Phượng 4, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0913.241.326

Email: hoang.quang@tratimex.com

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **KHO NHỰA ĐƯỜNG CÀN THO**

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Đầu tư xây dựng và vận hành tổng kho nhựa đường	4661	

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế:

+ Giai đoạn 1: 5.500 m³

+ Giai đoạn 2: 7.990 m³

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Nhựa đường.

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

* **Giai đoạn 1:** Tổng diện tích xây dựng 10.167,2 m² trong đó:

+ Các công trình, hạng mục chính: 1.567,9 m², gồm: Khu vực bồn chứa nhựa đường, bồn khác và các công trình nhà văn phòng, trạm cân, phòng cân, nhà gia nhiệt, nhà đóng phuy.

+ Các công trình, hạng mục phụ trợ: 8.599,3m², gồm: nhà bơm, phòng cháy chữa cháy, kho rác, trạm bơm, trạm biến áp, nhà bảo vệ, đường nội bộ, sân bãi đỗ xe, bãi chứa phuy và một phần diện tích đất nằm ngoài ranh giới khu đất.



*** Giai đoạn 2:** Diện tích 914,8 m² gồm: khu vực bồn chứa nhựa đường.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số 2677, tờ bản đồ số 04, Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (Cụm A), phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 11.082 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **99.057.400.000** (Chín mươi chín tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng và tương đương **4.252.954** (Bốn triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: **49.057.400.000** (Bốn mươi chín tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng và tương đương **2.077.149** (Hai triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi chín) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 49,52% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật Tư Giao Thông	49.057.400.000	2.077.149	100	Tiền mặt	- Giai đoạn 1: Từ Quý I/2022 đến Quý II/2023 - Giai đoạn 2: Từ Quý II/2024 đến Quý IV/2024

- Vốn huy động: 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng và tương đương 2.175.805 (Hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm linh năm) đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 44 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn

- Tiến độ góp vốn:

+ Giai đoạn 1: Góp 22.241.000.000 đồng từ Quý I/2022 đến Quý II/2023.

+ Giai đoạn 2: Góp 26.816.400.000 đồng từ Quý II/2024 đến Quý IV/2024.

- Tiến độ huy động vốn: 50.000.000.000 đồng từ Quý III/2022 đến Quý IV/2024.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động

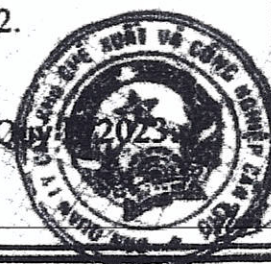
*** Giai đoạn 1:**

- Hoàn thành thủ tục để được bàn giao mặt bằng: Quý I/2022.

- Khởi công công trình: Quý IV/2022.

- Xây dựng các hạng mục công trình: Từ Quý IV/2022 đến Quý I/2023.

- Hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: Quý II/2023.



*** Giai đoạn 2:**

- Xây dựng các hạng mục công trình: Từ Quý II/2024 đến Quý IV/2024;
- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: Quý IV/2024.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Áp dụng theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

3. Mọi điều khoản của Điều lệ doanh nghiệp trái với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và pháp luật Việt Nam phải được hiểu theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và pháp luật Việt Nam.

4. Trong suốt quá trình đầu tư dự án, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải chấp hành các quy định pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành và các pháp luật khác có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2245522651 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 3 năm 2022 và cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *Real*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



Phạm Duy Tín

Số: 11/TĐ-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, của: Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Vũ Văn Mạnh. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

**HẠNG MỤC: MỞ RỘNG ĐƠN CHỨA NHỰA ĐƯỜNG VÀ
XÂY MỚI MỘT SỐ HẠNG MỤC PHỤ TRỢ**

Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A), phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH XD TM DY Firetech.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Quy mô; Bố trí công năng; Khoảng cách an toàn về PCCC; Đường và bãi đỗ xe chữa cháy; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Hệ thống thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy bằng nước; Trang bị phương tiện chữa cháy khác; Hệ thống điện cấp cho PCCC.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2/2.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Cục CS PCCC và CNCH (báo cáo);
- Lưu: Công an TP. Cần Thơ (PC07).

Cần Thơ, ngày 17 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Trưởng tá Phạm Quách Hùng



QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC

TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ

VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 91/17-PPCC ngày 17/6/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
	- Các hạng mục bên trong công trình có số tầng: 01 tầng nổi.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
01.	Khoảng cách an toàn về PCCC	TD 01-06
02.	Đường và bãi đỗ cho xe chữa cháy	TD 01-06
03.	Bố trí công năng, Quy mô	TD 01-06; TD 43
04.	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn	TD 31-33
05.	Hệ thống thoát nạn	TD 01-06; TD 16-17; TD 19
06.	Hệ thống báo cháy tự động	TD 31-33
07.	Hệ thống chữa cháy bằng nước	TD 34 - 42
08..	Trang bị phương tiện chữa cháy khác	TD 42

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./

**KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ -
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HỌP RÚT KINH NGHIỆM

V/v thực tập phương án chữa cháy tại chỗ năm 2023

tại Kho nhựa đường Cần Thơ thuộc Công ty cổ phần thương mại và
xuất nhập khẩu vật tư giao thông

Địa chỉ: KCN Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Hôm nay vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 16 tháng 12 năm 2023. Ngay sau khi
thực tập phương án chữa cháy tại chỗ tại **Kho nhựa đường**, chỉ huy lực lượng
tham gia diễn tập đã tập trung để họp rút kinh nghiệm.

* Thành phần tham gia cuộc họp gồm có:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Đinh Thanh Liêm | Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy. |
| 2. Ông: Phạm Ngọc Mạnh | Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy. |

Đại diện Kho nhựa đường:

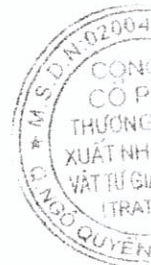
- | | |
|-----------------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Hoàng Đình Thảo; | Chức vụ: Giám Đốc TTDH Kho |
| 2. Ông Lương Việt Hưng; | Chức vụ: Nhân viên |
| 3. Các thành viên đội PCCC cơ sở. | |

Tiến hành họp đánh giá kết quả buổi thực tập. Qua nhận xét đánh giá đã
thống nhất những ý kiến nhận xét và kiến nghị sau:

I. Nhận xét:

*** Ưu điểm:**

- Buổi diễn tập được đảm bảo an toàn, đúng kế hoạch đề ra. Lực lượng chữa
cháy có chuẩn bị tốt theo nội dung kế hoạch, triển khai chữa cháy theo đúng kế
hoạch, các phương tiện chữa cháy hoạt động tốt.
- Chỉ huy chữa cháy chỉ đạo diễn tập phương án chữa cháy tại chỗ kịp thời,
hợp lý, dứt khoát, đạt kết quả khá.



*** Hạn chế:**

- Trong lúc thực tập phương án chữa cháy, lực lượng tham gia thực hiện các thao tác phun bình chữa cháy còn chậm, cần khắc phục tốt hơn trong các đợt thực tập tiếp theo.

II Kiến nghị:

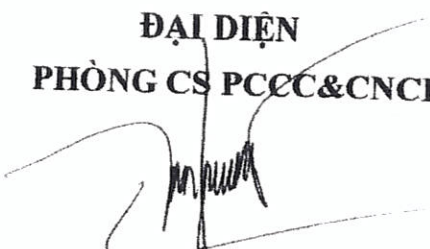
- Lực lượng chữa cháy cơ sở thường xuyên tổ chức tự thực tập để các động tác được đảm bảo một cách thuần thục.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện PCCC nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả khi có cháy, nổ xảy ra.

- Nạp lại các bình chữa cháy đã tham gia sử dụng thực tập.

Biên bản kết thúc lúc 09 giờ 00 phút cùng ngày, có thông qua biên bản cho mọi người cùng nghe và thống nhất nội dung biên bản.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG CS PCCC&CNCH


Đại úy: Đinh Thanh Liêm



GIÁM ĐỐC **HÀNH KHOA**
Hoàng Văn Thảo

**KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ -
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /KH-TTPACC-2023

Cần Thơ, ngày 25 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH

**V/v Thực tập phương án chữa cháy năm 2023 tại
Kho nhựa đường Cần Thơ thuộc Công ty cổ phần thương mại và
xuất nhập khẩu vật tư giao thông**
Địa chỉ: KCN Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ.

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

Nay **Kho nhựa đường Cần Thơ thuộc Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông** xây dựng kế hoạch thực tập phương án chữa cháy năm 2023 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi nhân viên trong việc thực hiện Luật phòng cháy và chữa cháy. Tạo sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ trong chỉ huy chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy của lực lượng chữa cháy cơ sở ngày một được nâng cao hơn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chữa cháy cơ sở thông thạo đặc điểm kiến trúc, giao thông, nguồn nước trong và ngoài cơ sở để phục vụ cho công tác phối hợp chữa cháy có hiệu quả khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Góp phần cùng cơ sở thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của Luật PCCC, bảo vệ an toàn tính mạng của công dân và tài sản của Nhà nước.

2. Yêu cầu:

- Quá trình tổ chức thực tập phải nghiêm túc, đúng theo các nội dung kế hoạch đề ra.
- Phải đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản của các lực lượng tham gia và của cơ sở, đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn giao thông.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CHỮA CHÁY:

1. Diện tích - Vị trí:

Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông tọa lạc tại KCN Hưng Phú 1 (Cụm A), Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông Bắc: giáp đường KCN Hưng Phú 1.
- Hướng Tây Bắc: giáp Công ty CP Phân bón Sài Gòn Mekong.
- Hướng Tây Nam: giáp đất trống.
- Hướng Đông Nam: giáp đất trống.

2. Đặc điểm về kiến trúc, cháy nổ:

Các hạng mục phụ trợ bên trong công trình có kết cấu cột thép hoặc cột BTCT, tường xây gạch 100mm và 200mm, móng cọc BTCT, mái lợp tole, bậc chịu lửa bậc II và bậc IV.

Công trình có diện tích khu đất xây dựng khoảng 10.746m², diện tích phần tuyến ống nhập nhựa đường khoảng 336m², diện tích xây dựng 1353,27m², chiều cao các hạng mục phụ trợ bên trong công trình 4,8m (tính đến diềm mái công trình). Bên trong công trình có bố trí các bồn trụ đứng bằng thép chứa nhựa đường có khối tích: 40m³, 50m³, 100m³, 5500m³, có chiều cao lớn nhất 20,56m. Tuyến ống nhập nhựa đường được làm bằng thép ống đúc có chiều dài 830m kết nối từ công trình đến cầu cảng.

Bên trong công trình, các đường ống kỹ thuật đi xuyên sàn, tường ngăn cháy được bịt và xử lý thích hợp để không làm giảm các chỉ tiêu kỹ thuật về cháy theo yêu cầu của kết cấu.

- Khu văn phòng – nhà ăn nghỉ CBCNV 162m².
- Nhà bơm PCCC, bể nước PCCC
- Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng.
- Nhà đóng phuy.
- Kho rác.
- Bồn rung gian số 1,2 (50m³).
- Bồn trung gian 100m³.
- Bồn chứa nhựa đường T1 5.500m³.
- Bồn dầu FO.
- Trạm bơm.
- Phòng cân hàng.
- Trạm cân ô tô 80T.
- Nhà gia nhiệt.

- Bồn chứa T2
- Làn để xe.
- Nhà bảo vệ.
- Bồn trung gian 40m³.
- Bình tích khí nén.
- Bồn giãn nở 1,5m³.
- Ống khói.

3. Đặc điểm về giao thông :

- Trong và ngoài cơ sở: có đường nội bộ rộng đảm bảo cho các phương tiện chữa cháy hoạt động.

4. Đặc điểm về nguồn nước:

- Trong cơ sở: Bể nước chữa cháy
- Ngoài cơ sở: Sông Hậu

5. Lực lượng, phương tiện chữa cháy tại chỗ:

- Lực lượng: Đội PCCC tại chỗ gồm có 10 thành viên, các thành viên đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH.
- Phương tiện tham gia thực tập:
 - + Bình chữa cháy MFZ8: 05 bình

III. GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY - DỰ KIẾN LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THAM GIA CHỮA CHÁY (Thực tập)

1. Giả định tình huống cháy:

- Đám cháy xảy ra tại: văn phòng làm việc.
- Nguyên nhân: do chập điện.
- Giả định có 02 người bị kẹt trong đám cháy, sau đó đã được lực lượng PCCC cơ sở giải cứu.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM GIA:

***Lực lượng tại chỗ:**

Người phát hiện cháy đầu tiên hô to cháy... cháy...cháy... hoặc dùng còi, keng báo động cho mọi người trong cơ sở biết, lực lượng chữa cháy cơ sở nhanh chóng tập trung tại hiện trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức cắt điện khu vực cháy và các khu vực lân cận, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các lực lượng tham gia chữa cháy (thực tập).
- Dùng bình chữa cháy xách tay để chữa cháy.
- Hướng dẫn nhân viên thoát ra khỏi khu vực nguy hiểm, cứu người bị nạn (nếu có).
- Tổ chức di dời tài sản chưa bị cháy ra nơi an toàn và cử người trông coi.
- Gọi điện thoại báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp số và gọi các lực lượng chức năng khác đến hỗ trợ.



- Phối hợp với các lực lượng đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài cơ sở, bảo vệ tài sản, hiện trường cháy.

- Làm tốt công tác hậu cần, chiếu sáng (nếu thời gian chữa cháy kéo dài, vào ban đêm) và tham gia họp rút kinh nghiệm sau khi chữa cháy (thực tập).

***Ban chỉ huy chữa cháy thống nhất đóng tại vị trí trên sơ đồ có nhiệm vụ:**

- Tiếp nhận tin từ trinh sát, nhận định tình hình diễn biến của đám cháy.

- Quyết định các biện pháp và phương thức cứu người bị nạn, cứu tài sản. Quyết định yêu cầu các lực lượng chi viện.

- Huy động và chỉ huy các lực lượng tham gia chữa cháy (thực tập) để xử lý, giải quyết kịp thời mọi tình huống xảy ra.

- Theo dõi tình hình, diễn biến của đám cháy để xử lý cho phù hợp, quyết định hướng tấn công chính, quyết định chiến thuật dập tắt đám cháy, quyết định khu vực phải tập trung chiến đấu, bảo vệ chống cháy lan, bố trí lực lượng phương tiện chiến đấu.

- Quyết định các biện pháp bảo vệ an ninh trật tự, tổ chức xử lý, giải quyết vụ việc sau khi cháy, phân công lực lượng bảo vệ hiện trường cháy.

- Phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức điều tra nguyên nhân cháy để cơ sở ổn định đi vào hoạt động.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm sau khi đám cháy được dập tắt (thực tập).

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC TẬP, HỌP RÚT KINH NGHIỆM SAU THỰC TẬP:

1-Triển khai kế hoạch thực tập vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng ... năm 2023.

2-Tổ chức thực tập vào lúc:.....giờ....phút, ngày 26 tháng 12 năm 2023.

3-Tổ chức họp rút kinh nghiệm thực tập lúc:.....giờ.....phút, ngày..... tháng ... năm 2023.



GIÁM ĐỐC TT ĐIỀU HÀNH KHO
Hoàng Đình Thảo

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN MÁY, THIẾT BỊ NÔNG NGHIỆP

CENTER FOR REGISTRATION OF SAFETY TECHINCS - MARD



9001:2015



Trụ sở chính
VPDD Phía Nam
VPDD MT & Tây Nguyên
VPDD đồng bằng Sông Cửu Long
VPDD Bắc Trung Bộ
Trạm kiểm định chai chứa khí, khí nén lỏng

: Số 54/102 đường Trường Chinh - Quận Đống Đa - TP Hà Nội
: Số 271 Tô Ngọc Vân - P Linh Đông - TP Thủ Đức - TP HCM
: Số 03 Trần Văn Giáp - P Quang Trung - TP Quy Nhơn - T Bình Định
: Số 26 đường số 7 - KDC Tây Sông Hậu - TP Long Xuyên - T An Giang
: Số 220 đường 5 - Đông Phú - TP Thanh Hóa - T Thanh Hóa
: Thị trấn Phố Mới - Huyện Phố Mới - TP Hà Nội

*ĐT: (024) 3793 0957
*ĐT: (020) 3023 7384
*ĐT: (0254) 382 2924
*ĐT: (0296) 394 0923
*ĐT: 098 997 8413
*ĐT: (024) 3378 4378



VIAS 062

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN NỘI GIA NHIỆT DẦU

Số: 22 KĐ/GND-LX/23

(Theo biên bản ghi chép hiện trường số:22)

Chúng tôi gồm:

1/ Ông : **Lê Quốc Toàn**

Số hiệu kiểm định viên: 247/KĐV-LĐTBXH(RST: 35)

2/ Ông : **Đỗ Thanh Tùng**

Số hiệu kiểm định viên: 225/KĐV-LĐTBXH(RST: 07)

Thuộc: Trung tâm kiểm định KTAT máy, thiết bị Nông nghiệp

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 09/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: **LÒ GIA NHIỆT DẦU ĐÓT DẦU**

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG**

Địa chỉ: Số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng, Việt Nam.

Vị trí lắp đặt: **KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Địa chỉ: Công nghiệp Hưng Phú I, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ.

Quy trình kiểm định áp dụng: **QTKĐ 02-2016/BLĐTBXH.**

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1/Ông(Bà):..... Chức vụ:.....

2/Ông(Bà): **KHO VĂN VU**..... Chức vụ: **Thủ kho**.....

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỘI

Loại, mã hiệu: GND 1,5/1;0T-00

Áp suất thiết kế: 10,0 bar

Số chế tạo: N°22022

Áp suất làm việc: 10,0 bar

Năm chế tạo: 12/2022

Công suất: 1.500.000 Kcal/h

Nhà chế tạo: Công ty CP Nồi Hơi Việt Nam

Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO

Nhiệt độ thiết kế: 300°C

Nhiệt độ làm việc: 250 ± 300°C

Môi chất tải nhiệt: Dầu FO

Công dụng: dùng để gia nhiệt dầu

Ngày kiểm định lần trước:.....

dothực hiện.

Ngày thử bền gần nhất:.....

dothực hiện.

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☒ ; Định kỳ ☐ , Bất thường ☐

Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường:.....

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1.Kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ, lý lịch: đầy đủ.

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2.Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt
Khoảng cách	x	
Cửa	x	
Cầu thang, sàn thao tác	/	
Chiều sáng vận hành	x	
Hệ thống tiếp địa an toàn, chống sét	x	
Tình trạng mối hàn, mối ghép	x	



Tình trạng các bộ phận chịu áp lực	x	
Hệ thống bơm tuần hoàn	x	
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	x	
Van an toàn	x	
Áp kế	x	
Đo mức	x	
Đo nhiệt độ	x	
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	x	

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét:./.

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Nước ở nhiệt độ môi trường	15,0	20
Thử vận hành	Dầu FO	10,0	30

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét:./.

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Nồi gia nhiệt dầu được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐ ;
- Đã được dán tem kiểm định số 32559 Tại vị trí: Tủ điện khiển
- Áp suất làm việc cho phép: 10,0 (bar)
- Nhiệt độ làm việc của dầu: 250 ÷ 300 °C
- Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Trên nồi	11,0	10,4
Trên đường ống	10,6	9,8

6. Các kiến nghị:./.

Thời hạn thực hiện kiến nghị:./.

V-THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Lý do rút ngắn thời hạn (nếu có):./.

Biên bản đã được thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023.

Tại: Kho nhựa đường Cần Thơ

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(ký tên và đóng dấu)

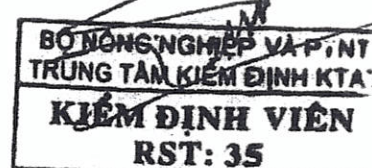
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, tên)


HỒ VĂN VŨ

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ, tên)



Lê Quốc Toàn

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 7 năm 202

BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG

Số: 22

*(Kiểm định viên ghi đầy đủ các nội dung đánh giá và thông số kiểm tra, thử nghiệm
theo đúng quy trình kiểm định)*

I- Thông tin chung

Tên thiết bị: **LỒ GIA NHIỆT DẦU ĐÓT DẦU**

Tên tổ chức đề nghị: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG**

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): **Số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.**

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: **KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Địa chỉ: **Công nghiệp Hưng Phú I, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ.**

Nội dung buổi làm việc với cơ sở:

- Làm việc với ai: (thông tin) **Dương Bá Linh,**

- Người chứng kiến: **HỒ VĂN HƯ**

II. Thông số cơ bản của nồi

Loại, mã hiệu: **GND 1,5/1,0T-00**

Áp suất thiết kế: **10,0 bar**

Số chế tạo: **Nº22022**

Áp suất làm việc: **10,0 bar**

Năm chế tạo: **12/2022**

Công suất: **1.500.000 Kcal/h**

Nhà chế tạo: **Công ty CP Nồi Hơi Việt Nam**

Nhiên liệu sử dụng: **Dầu DO**

Nhiệt độ thiết kế: **300°C**

Nhiệt độ làm việc: **250 ÷ 300°C**

Môi chất tải nhiệt: **Dầu FO**

Công dụng: **dùng để gia nhiệt dầu**

III. Hồ sơ:

1. Khi kiểm định lần đầu :

- Hồ sơ xuất xưởng: **Đầy đủ**

- Lý lịch: **Đầy đủ**

- Bản vẽ cấu tạo: **Đầy đủ**

- Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng vật liệu chế tạo, vật liệu hàn, dầu tải nhiệt: **đầy đủ, đạt yêu cầu**

- Hồ sơ lắp đặt, biên bản nghiệm thu lắp đặt: **đầy đủ**

- Các biên bản kiểm tra môi hàn: **đạt yêu cầu**

- Phiếu kiểm định thiết bị đo lường: **đạt yêu cầu**

- Biên bản kiểm tra tiếp địa, chống sét :

- Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ: **có, đầy đủ**

2. Khi kiểm định định kỳ:

- Lý lịch, biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước:

- Nhật ký vận hành, sổ theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có):

3. Khi kiểm định bất thường:

- Lý lịch, biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước:

- Nhật ký vận hành, sổ theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có):

- Hồ sơ thiết kế sửa chữa, biên bản nghiệm thu sau sửa chữa:

- Hồ sơ lắp đặt (trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt):

IV. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong.

+ Khoảng cách, vị trí lắp đặt: **Không thay đổi.**

+ Chiều sáng vận hành: **Nhìn rõ**

+ Thông gió: **thoáng mát**

+ Cầu thang, sàn thao tác: **không bị gì mục**

- + Bảo ôn: tốt
- + Các bộ phận phụ trợ: *Đầy đủ - bình thường*
- + Van an toàn: *01 van, DN, PN phù hợp*
- + Áp kế: *01 cái, thang đo, đơn vị đo, Đường kính, hạn kiểm định phù hợp*
- + Đo mức:

- + Các thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn và tự động khác: (số lượng, chủng loại, kích cỡ ...):
- + Tình trạng kim loại các bộ phận chịu áp lực:
- + Tình trạng mối hàn: *không có gì bất thường*
- + Hệ thống cấp dầu: *đầy đủ, làm việc bình thường*
- + Bình giãn nở: *làm việc bình thường*
- + Bình gom dầu, (bình chứa khác nếu có):
- + Quạt gió, quạt khói: *đầy đủ, làm việc bình thường*
- + Hệ thống cấp nhiên liệu: *đầy đủ, làm việc bình thường*
- + Hệ thống thải xỉ: *đầy đủ, làm việc bình thường*

V. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Áp suất thử (bar)	Môi chất thử	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	15,0	Nước ở nhiệt độ môi trường	20
Thử vận hành	10,0	Dầu FO	30

VI. Thử vận hành: trong thời gian 30 phút

- Tình trạng làm việc của nồi: *Bình thường*
- Tình trạng làm việc của thiết bị phụ:
- + Bơm dầu tuần hoàn: *Làm việc bình thường*
- + Quạt hút, quạt đẩy: *Làm việc bình thường*
- + Bình giãn nở, bình gom, bơm dự phòng: *Làm việc bình thường*
- + Thiết bị cấp liệu và thải xỉ: *Làm việc bình thường*
- + Đường khói và ống khói: *Làm việc bình thường*
- Tình trạng làm việc của thiết bị an toàn:
- + Van an toàn: *P mở: 11,6 bar; đóng: 10,4 bar; kín*
- + Rơ le áp suất: *ngắt 10,6 bar, làm việc ổn định*
- Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm:
- + Áp kế: *Làm việc ổn định*
- + Đo mức: *Làm việc ổn định*
- + Đo nhiệt độ: *Làm việc bình thường*
- Tình trạng làm việc của thiết bị tự động: *Làm việc bình thường*
- Tình trạng làm việc của các van: *Làm việc bình thường*

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, tên)

JHB
HỒ VĂN VŨ

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ, tên)

[Chữ ký]
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ P. NT
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTA7

KIỂM ĐỊNH VIÊN

RST: 35

Lê Quốc Hoàn



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH

Số: 171/2023/HDDV.CR

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015:

Căn cứ khả năng, điều kiện và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, chúng tôi gồm:

Bên A. (Bên thuê dịch vụ)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thương Mại và XNK Vật Tư Giao Thông

Người đại diện: Ông Hoàng Văn Minh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 05/2023/UQ-TGD của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại và XNK vật tư Giao Thông ký ngày 02 tháng 01 năm 2023)

Địa chỉ: Số 2/201 đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại/fax: 0225.3654434

Tài khoản: 321 1000 000 5581 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng

Mã số thuế: 0200401834

Bên B. (Bên cung ứng dịch vụ)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Người đại diện: Nguyễn Hồ Y Phụng

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền: 334/GUQ-CPĐT ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Địa chỉ: Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại/fax: 02923.822.526/ 02923.811.583

Tài khoản: 741.10.00.000057.9 tại BIDV – Chi nhánh Cần Thơ

0111000988864 tại Vietcombank – CN Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800271113.

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng cung ứng dịch vụ vệ sinh với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc

1. Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện công tác thu gom và vận chuyển khối lượng rác thải sinh hoạt tại: Kho tratimex Cần Thơ, KCN Hưng Phú 1, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

2. Tần suất thu gom rác: 2 ngày/01 lần

Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: 100.000 đồng/tháng (Một trăm ngàn đồng trên một tháng), chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Phương thức thanh toán: Hàng tháng Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 25 của tháng. Nếu bên A không thanh toán tiền cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thì bên B có quyền tạm ngưng hợp đồng này.

Điều 3. Trách nhiệm của hai bên



1. Trách nhiệm của bên A

- Tập kết rác đúng nơi đã được hai bên thống nhất, trước thời gian bên B đến nhận rác.

- Rác phải được chứa vào bọc nilong cột kín hoặc thùng chứa rác chuyên dụng đúng chuẩn, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác y tế và rác thải có thể gây cháy, nổ.

- Cung cấp cho bên B sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định (khi cần thiết).

- Thông báo cho bên B khối lượng rác thải tăng lên để bên B có kế hoạch điều động phương tiện phù hợp (báo trước ít nhất 02 ngày). Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

- Cử người giám sát và xác nhận khối lượng rác thu gom hàng ngày.

- Thanh toán tiền cho bên B đúng theo điều khoản thỏa thuận.

2. Trách nhiệm của bên B

- Tổ chức phương tiện và lao động thực hiện đúng nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Thực hiện việc bảo hộ lao động theo quy định.

- Lập các thủ tục thanh toán theo quy định và xuất hóa đơn tài chính.

- Bên B sẽ từ chối thu gom nếu phát hiện rác thu gom không phải rác thải sinh hoạt (rác công nghiệp, rác y tế, chất thải nguy hại theo danh mục quy định) trộn lẫn trong thành phần rác bên A giao cho bên B.

Điều 4. Điều chỉnh hợp đồng

Hai bên sẽ lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị thực hiện hợp đồng trong trường hợp khi khối lượng rác bên A tăng so với khối lượng theo hợp đồng đã ký hoặc khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá mới.

Điều 5. Các thỏa thuận khác

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Mọi vấn đề phát sinh (nếu có) sẽ được hai bên thông báo, trao đổi giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.

- Hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này bằng việc gửi thông báo cho nhau trước 30 ngày mà không phải bồi thường cho nhau bất kỳ khoản nào với điều kiện hai bên phải hoàn thành tất cả các nghĩa vụ của mình trước ngày đề nghị kết thúc hợp đồng.

- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật liên quan.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 15/8/2023 đến ngày 31/12/2024. Hợp đồng đương nhiên được thanh lý khi hai bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo nội dung Hợp đồng và hai bên không có nhu cầu thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

- Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
VẬT TƯ GIAO THÔNG
(TRATIMEX PHO)
NGUYỄN VĂN MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÓ THỊ
CẦN THƠ
NGUYỄN HỒ Y PHỤNG

Số: 324/2023D/HĐKT/VX

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
 - Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
 - Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ký ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Môi Trường;
 - Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
 - Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2020 của Công ty TNHH Môi Trường Việt Xanh;
 - Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên (Bên A và Bên B).
- Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG

Địa chỉ : Số 2/201, Ngõ Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại : 02253654434

Mã số thuế : 0200401834

Đại diện : Ông Hoàng Văn Minh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653076 (~77) Fax: 0274.3653 075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương

Đại diện : (Ông) TRẦN THANH HÀ Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, ("Hợp đồng") với nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo danh mục (được ghi rõ tại Điều 3 của Hợp đồng) phát sinh sau quá trình sản xuất của Bên A.
- 1.2 Địa chỉ thu gom CTNH: Kho Tratimex Cần Thơ, KCN Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- 1.3 Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Khi có nhu cầu thu gom xử lý chất thải thì Bên A chủ động thông báo trước cho Bên B ít nhất 02 (hai) ngày để Bên B chuẩn bị.
- 1.4 Tình trạng CTNH: Được lưu chứa trong bao bì chuyên dụng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của Bên A

- Trong thời gian chờ chuyển giao CTNH, Bên A có trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định pháp luật như tập trung chất thải trong kho chứa có mái che, phân loại, dán nhãn và có biện pháp ứng phó an toàn sự cố khẩn cấp.
- Khi phát sinh CTNH khác ngoài danh mục nêu tại Điều 3 của hợp đồng này, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để được thu gom CTNH và xử lý kịp thời.
- Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và chuyển giao nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần bàn giao CTNH. Bên A cung cấp Giấy phép môi trường khi Bên B yêu cầu để có cơ sở báo cáo cơ quan chức năng.
- Bên A cam kết thanh toán giá trị thuê xử lý CTNH cho Bên B nêu tại Điều 3 của hợp đồng này.

2. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- Bên B tuân thủ các quy định của Bên A và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cố môi trường xảy ra có liên quan đến chất thải đã bàn giao và ra khỏi công nhà máy bên A.
- Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành xử lý an toàn chất thải nguy hại.
- Bên B có trách nhiệm phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

- Số lượng được xác định tại kho Bên A. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo mẫu.

TT	Diễn giải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý khoán
I	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại bao gồm:		≤ 120 kg/năm	10.000.000 đồng/năm (Mười triệu đồng trên năm)
	1. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06		
	2. Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải tổng hợp thải	17 02 04		
	3. Giẻ lau nhớt và dầu.	18 02 01		
	4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04		

5. Pin, ắc quy chì thải	19 06 01		
6. Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02		
7. Dầu thủy lực thải	17 01 06		
Đơn giá xử lý nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT			

Ghi chú:

Trường hợp số lượng CTNH vượt mức khoán 120 Kg/năm, giá trị hợp đồng (GTHĐ) thực tế được tính như sau:

$$GTHĐ = 10.000.000 \text{ đồng} + (\text{Số lượng thực tế} - 120 \text{ Kg}) * 15.000 \text{ đồng/Kg.}$$

Đơn giá vượt chưa bao gồm thuế GTGT

Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng bao gồm thuế GTGT bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay sau khi nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.
- Trường hợp phát sinh thêm chi phí do số lượng CTNH vượt mức khoán, Bên A phải thanh toán chi phí phát sinh thêm cho Bên B căn cứ theo hóa đơn tài chính.
- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản tiền Việt Nam Đồng.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B

ĐIỀU 4: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 4.1 Trường hợp bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hoặc khả năng thương lượng trước của hai bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của mỗi bên, chẳng hạn: Chiến tranh, bạo loạn đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận,...
- 4.2 Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách nhiệm về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.
- 4.3 Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN

- 5.1 Tất cả các thông tin từ hợp đồng thỏa thuận này (như giá cả, giấy phép, phương án kỹ thuật, ...) sẽ là tài sản của cả hai bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại.
- 5.2 Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký đến hết ngày **31/05/2024** và tự động thanh lý sau khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm của mình.
- Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong nội dung hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau.
- Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định của Luật pháp Việt Nam. Nếu có phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần bình đẳng và hợp tác. Trong trường hợp tranh chấp phát sinh theo Hợp đồng này không thể giải quyết thông qua thỏa thuận nhất trí giữa hai Bên, thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và sẽ ràng buộc cả hai Bên. Mọi chi phí phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp này sẽ do Bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, Bên A giữ hai (02) bộ, Bên B giữ hai (02) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.



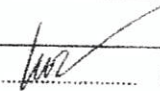
ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Minh



ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Thanh Hà

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI 18582/2023/1-2-3-4-5-6.033.VX					
1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX							
Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương				ĐT: 0274.3653.076			
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương				ĐT: 0274.3653.076			
2. Chủ CS DVXL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:							
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: XNK VT							
Địa chỉ văn phòng: Kho Tratimex Cần Thơ - KCN Hưng Phú 1, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ				ĐT: 0225 365 4434			
Địa chỉ cơ sở: Kho Tratimex Cần Thơ - KCN Hưng Phú 1, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ				ĐT: 0225 365 4434			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	2	XN , HR
2	giẻ lau nhớt và dầu	X			18 02 01	10	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) : Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:							
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C-021.28							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: TRẦN QUANG HÒA Ký:  Ngày: 14/12/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Cần Thơ, ngày 14 tháng 12 năm 2023  CHỨC DANH NGƯỜI KÝ (Chữ ký, đóng dấu) GIÁM ĐỐC TT ĐIỀU HÀNH KHO Hoàng Đình Thảo				Bình Dương, ngày 2 tháng 1 năm 2024  CHỨC DANH NGƯỜI KÝ (Chữ ký, đóng dấu) TRƯỞNG BAN ISO TẠ ĐỨC NHÂN			
@Liên số: 10 - 20 - 30 - 40							
Ghi chú :							
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI



BÌNH DƯƠNG

18582/2023/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Kho Tratimex Cần Thơ - KCN Hưng Phú 1, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: 0225 365 4434

Địa chỉ cơ sở: Kho Tratimex Cần Thơ - KCN Hưng Phú 1, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: 0225 365 4434

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	2	XN , HR
2	giẻ lau nhớt và dầu	X			18 02 01	10	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) : Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C-021.28

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: TRẦN QUANG HÒA Ký: Ngày: 14/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC TT ĐIỀU HÀNH KHO
Hoàng Đình Thảo

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Dương, ngàythángnăm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

PKQ/Số: HA.23.12458.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CP TM VÀ XNK VẬT TƯ GIAO THÔNG KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

2. Tên khách hàng: **KHO TRATIMEX CẦN THƠ**

KCN Hưng Phú 1, P.Tân Phú, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ

3. Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.23.12458.01	Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi	9.982688, 105.830127

4. Ngày lấy mẫu: 20/12/2023

Ngày trả kết quả: 27/12/2023

5. Phương pháp thử nghiệm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm theo quy chuẩn	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	SO ₂ ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	HD/KT - SO ₂	0 - 13.100 mg/Nm ³
2	NO ₂ ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	HD/KT - NO _x	0 - 940 mg/Nm ³
3	CO ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - CO	HD/KT - CO	0 - 11.400 mg/Nm ³
4	Bụi (PM) ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm HA.23.12458.01	QCVN 19:2009/ BTNM 19:2009
1	SO ₂ ^(*)	mg/Nm ³	251	500
2	NO _x (tính theo NO ₂) ^(*)	mg/Nm ³	352	850
3	CO ^(*)	mg/Nm ³	882	1000
4	Bụi (PM) ^(*)	mg/Nm ³	154,8	200

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts

QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với bụi và các chất vô cơ - Cột B

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



Kiểm soát

Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410641

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)
2. **Địa điểm lấy mẫu** : KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), phường Tân Phú,
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
3. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí xung quanh
4. **Ngày lấy mẫu** : 20/06/2024
5. **Ngày trả kết quả** : 27/06/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
K1: Tại khu vực bốn giai đoạn 2 (bồn T2)	56,8	0,173	0,052	0,050	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
QCVN 05:2023/BTNMT	-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)	≤ 70	-	-	-	-

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

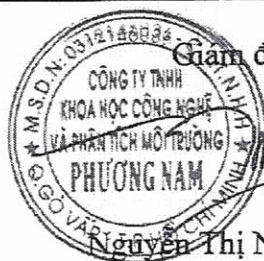
Mã số phiếu: 2410928

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)
2. Địa điểm lấy mẫu : KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), phường Tân Phú,
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
3. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh
4. Ngày lấy mẫu : 21/06/2024
5. Ngày trả kết quả : 28/06/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
K1: Tại khu vực bồn giai đoạn 2 (bồn T2)	59,3	0,192	0,055	0,054	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
QCVN 05:2023/BTNMT	-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)	≤ 70	-	-	-	-

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411215

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)
2. Địa điểm lấy mẫu : KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (cụm A), phường Tân Phú,
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
3. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh
4. Ngày lấy mẫu : 22/06/2024
5. Ngày trả kết quả : 29/06/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
K1: Tại khu vực bên giai đoạn 2 (bồn T2)	58,7	0,188	0,056	0,051	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
QCVN 05:2023/BTNMT	-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)	≤ 70	-	-	-	-

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP HƯNG PHÚ I (CỤM A) TẠI
PHƯỜNG TÂN PHÚ – QUẬN CÁI RĂNG – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 30../2021/HĐTLQSDĐ.KCN.HPI
Ký kết ngày 14. tháng 12. năm 2021

GIỮA
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)

Cần Thơ, tháng 12... năm 2021

Công nghiệp Hưng Phú I (cụm A) – giai đoạn 1 tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ;

- Căn cứ Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 498968 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Cần Thơ ngày 04/4/2018;
- Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0200401834 đăng ký lần đầu ngày 28/07/2000 và Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/09/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất Nhập khẩu Vật tư Giao thông;
- Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ - UBND ngày 02/4/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ;
- Căn cứ Công văn số 122/BQL - ĐT ngày 05/02/2021 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ về việc chấp thuận chủ trương Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hưng Phú I - Cụm A.

Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2021 ("Ngày ký"), tại trụ sở Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Cần Thơ, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN CHO THUÊ LẠI: QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Đại diện: Ông Lê Văn Thống Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ : Số 24-26 Đường Lý Thái Tổ, Khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại: 0710.3817 704 - Fax: 0710. 3817 703
- Tài khoản: 0111001129063 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.
- Mã số thuế: 1800750412.
- Thành lập theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02/4/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

(Sau đây gọi là "Bên A")

BÊN THUÊ LẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)

- Đại diện: Ông Hoàng Văn Quang, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ : Số 2/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3654434 – Fax: 031.355182 .
- Số tài khoản:.....tại: Ngân hàng.....
- Mã số doanh nghiệp : 0200401834.
- Mã số thuế: 0200401834.

(Sau đây gọi là "Bên B")

(Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên")

Các Bên thỏa thuận ký Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất (sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. THÔNG TIN VỀ ĐẤT CHO THUÊ LẠI VÀ MỤC ĐÍCH, THỜI HẠN CHO THUÊ LẠI

1. Quyền sử dụng đất của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ:
Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ là Bên có quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

b) Mục đích:

Bên B sử dụng khu đất để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc loại giấy phép khác có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên B.

c) Thời hạn thuê:

- Các Bên thống nhất thời hạn cho thuê lại quyền sử dụng đất tính từ ngày Bên A bàn giao cho Bên B toàn bộ diện tích cho thuê lại quyền sử dụng đất đến hết ngày 11/11/2066 theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 498968 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ cấp ngày 04/4/2018 mang tên Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.
- Khi hết thời hạn thuê, trong trường hợp Bên A được gia hạn thời gian hoạt động của khu công nghiệp, Bên A cam kết Bên B được ưu tiên quyền tiếp tục thuê lại toàn bộ diện tích thuê với các điều khoản và điều kiện theo thỏa thuận giữa Các Bên với mức giá ưu đãi tại thời điểm gia hạn.

ĐIỀU 2. GIÁ THUÊ ĐẤT, CÁC LOẠI PHÍ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ LỘ TRÌNH THANH TOÁN

1. Đơn giá và tiền thuê lại quyền sử dụng đất; các loại phí sử dụng cơ sở hạ tầng
- Tiền thuê đất được tính bằng đơn giá đất có cơ sở hạ tầng ("Đơn giá thuê lại") của một mét vuông nhân với diện tích thực tế của Diện tích thuê. Các Bên thống nhất về Đơn giá thuê lại, Tiền thuê đất và tiến độ thanh toán như sau:

Đơn giá thuê lại quyền sử dụng đất (áp dụng cho toàn bộ thời gian thuê) là: 2.552.000đ/m² (Hai triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng trên một mét vuông) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Tiền thuê Bên B trả cho toàn bộ thời hạn thuê tạm tính là: 11.082 m² x 2.552.000đ/m² = 28.281.264.000đ (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm đồng), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tiền thuê đất thực tế Bên B phải trả cho Bên A được xác định căn cứ trên diện tích đất thực tế Bên A bàn giao cho Bên B tại Biên bản bàn giao đất giữa hai Bên nêu tại điểm a khoản 1 Điều 3 Hợp đồng này.

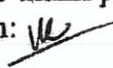
Giá thuê này là giá đã hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của diện tích thuê, bao gồm nhưng không giới hạn ở đường đi, cây xanh, hệ thống điện, cấp nước sạch đã được Bên A hoàn thiện tại thời điểm bàn giao đất cho Bên B, (ii) thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định, (iii) tiền thuế sử dụng đất và không thay đổi trong suốt thời gian thuê; nhưng chưa bao gồm phí hạ tầng và phí xử lý nước thải và các loại phí dịch vụ khác được các Bên thỏa thuận và ký Hợp đồng riêng.

b) Các chi phí khác:

Ngoài tiền thuê đất nêu tại mục a khoản 1 Điều này, Bên B thanh toán cho Bên A các khoản phí dưới đây theo diện tích thuê thực tế, gồm:

- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: Các Bên ký hợp đồng riêng và bắt đầu thu kể từ khi Bên A tiến hành bàn giao mốc ranh đất cho Bên B.
- Phí xử lý nước thải (nếu có): Các Bên ký hợp đồng riêng và bắt đầu thu kể từ khi dự án của Bên B được đưa vào hoạt động.
- Phí quản lý khu công nghiệp: Các Bên ký hợp đồng riêng khi Ban quản lý Khu Công nghiệp Chủ đầu tư được thành lập

Các Bên thống nhất các khoản phí nêu trên được xác định cụ thể từng mức phí mỗi loại tại thời điểm ký Hợp đồng trên cơ sở mặt bằng giá thị trường, không thay đổi trong suốt thời hạn của Hợp đồng và được lập thành phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

2. Đồng tiền, phương thức và lộ trình thanh toán: 

- b) Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, trường hợp Bên A chia tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp, được mua lại bởi đơn vị thứ ba, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo các quy định pháp luật hiện hành, hoặc thay đổi chủ đầu tư KCN Hưng Phú I theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thì đơn vị pháp nhân mới sẽ thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ với Bên B theo Hợp đồng này, bao gồm các dịch vụ được nêu trong Hợp đồng, nhằm bảo đảm mọi hoạt động của Bên B tại diện tích thuê không bị gián đoạn.
- c) Trong trường hợp KCN Hưng Phú I hoặc diện tích thuê được Bên A chuyển nhượng cho bên thứ ba, mọi điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này được Bên A giữ nguyên, nếu có thay đổi so với nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này thì Bên A thông báo cho Bên B biết và phải được thống nhất bằng văn bản giữa Bên B và bên thứ ba nhận chuyển nhượng của Bên A (nếu có).
- d) Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Bên B các dịch vụ tiện ích (cấp điện, cấp thoát nước, viễn thông hoặc các dịch vụ khác liên quan hoạt động của Bên B) đến ranh đất cho Bên B thuê, phù hợp với quy hoạch được duyệt.
- e) Bên A đảm bảo cho Bên B được đặt đường ống cấp dọc theo ranh hàng rào cảng Cái Cui đối với phần diện tích đất từ đoạn E đến G, vẫn phải đảm bảo nằm trong ranh dự án với bề ngang đường ống được cho phép $\leq 0.8m$ tính từ ranh hàng rào cảng Cái Cui. Khi có sự thay đổi quy hoạch làm thay đổi so với thỏa thuận ban đầu từ cơ quan có thẩm quyền thì hai Bên sẽ thỏa thuận giải pháp thay thế theo hướng ít gây thiệt hại nhất có thể cho các bên.
- f) Bên A đảm bảo các công trình hạ tầng: Đường giao thông, thoát nước mặt một cách hữu hiệu, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên B;
- g) Bên A thực hiện thu gom nước thải từ hệ thống nước thải của Bên B (đã xử lý bước 1 đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT loại B) để xử lý tiếp đến tiêu chuẩn A trước khi thải ra sông. Bên A có quyền đơn phương thông báo hủy Hợp đồng khi Bên B thực hiện việc xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn loại B (QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi thải ra hệ thống chung. Các Bên ký Hợp đồng và thỏa thuận mức phí đối với việc thu gom, xử lý nước thải ;
- h) Ngay sau khi ký Hợp đồng, Bên A hỗ trợ Bên B thực hiện các thủ tục: (i) xin cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục cần thiết khác để Bên B xây dựng nhà xưởng, kho hàng, hệ thống bồn chứa và vận hành và các hạng mục khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B trên Diện tích thuê, (ii) thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, (iii) thủ tục ký hợp đồng cấp điện, hợp đồng cấp nước với đơn vị cung cấp, (iv) hỗ trợ Bên B thực hiện các thủ tục pháp lý thông thường theo quy định của pháp luật và yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với những công việc cần làm sau khi Bên B được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- i) Về thủ tục Giấy đất: Bên A có trách nhiệm thực hiện thủ tục Giấy đất cho Bên B sau khi Bên B thanh toán đến tiền thuê đất đến 85% giá trị Hợp đồng và Bên A có trách nhiệm giao giấy đất cho Bên B khi đã Bên B thanh toán 100% giá trị Hợp đồng.
- j) Trường hợp, diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Bên B nhiều hơn hoặc ít hơn diện tích đất các Bên bàn giao cho nhau tại Biên bản bàn giao đất, thì Bên A bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về diện tích đất thuê trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên B phù hợp với diện tích đất thực tế Bên A bàn giao cho Bên B tại Biên bản bàn giao đất.
- He*

Nam – Chi nhánh Cần Thơ tại thời điểm thanh toán. Thời gian chậm trả tối đa không quá 03 (ba) tháng, quá thời gian này bên A tính thêm lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ tại thời điểm thanh toán.

- e) Sử dụng khu đất đã thuê đúng với mục đích ghi trong hợp đồng thuê đất và giấy phép đầu tư (hoặc Quyết định chấp thuận đầu tư). Đối với phần đất Bên A cho Bên B mượn để sử dụng, trong trường hợp có sự thay đổi theo yêu cầu của chính quyền, hai bên sẽ trao đổi lại phương án thực hiện.
- f) Bên B cam kết tiến hành khởi công và hoàn tất công trình xây dựng theo đúng kế hoạch được duyệt. Nếu vì lý do khách quan không thể khởi công hoặc hoàn tất việc xây dựng đúng kế hoạch, thì bên B phải xin phép gia hạn bằng văn bản với Ban quản lý khu chế xuất và Công nghiệp và thông báo cho bên A biết.
- g) Tuân thủ các quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ và hoạt động đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư.
- h) Để giữ gìn an toàn công cộng cho Khu công nghiệp, bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho phương tiện và tài sản của mình tại bất kỳ tổ chức bảo hiểm nào được phép hoạt động tại Việt Nam theo Nghị định 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2021 về việc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
- i) Trong thời gian thực hiện dự án, nếu phát sinh vướng mắc về tiến độ, hai Bên sẽ gặp gỡ, thỏa thuận, tháo gỡ các vướng mắc trên tinh thần hợp tác và tương trợ.
- j) Phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại B (QCVN 40: 2011/BTNMT) trước khi thải ra hệ thống chung. Khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà bên B chưa có hệ thống xử lý nước thải thì bên A sẽ kết hợp với cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra và xử lý theo quy định hiện hành.
- k) Không tiết lộ thông tin, không cung cấp tài liệu liên quan Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không thông báo trước bằng văn bản và sự chấp thuận của Bên kia, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền phù hợp quy định pháp luật. Đảm bảo người tiếp cận thông tin, tài liệu Hợp đồng này vì mục đích thực hiện thỏa thuận Hợp đồng có cam kết bằng văn bản về nghĩa vụ bảo mật thông tin.
- l) Phí, lệ phí liên quan đến việc xác nhận Hợp đồng do bên B thanh toán 100%.

ĐIỀU 4. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG

Bên B phải thực hiện các quy định về xây dựng trong Khu công nghiệp và Khu chế xuất như sau:

1. Khi xây dựng nhà xưởng hoặc vật kiến trúc khác, Bên B phải tuân thủ theo quy hoạch và phải được Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp phép và phải xây dựng tường rào bao bọc chung quanh khu đất thuê theo quy định của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ. Bên A cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu liên quan quy hoạch, xây dựng của Khu công nghiệp Hưng Phú 1 trước khi các Bên ký Hợp đồng để Bên B có cơ sở thực hiện.
2. Khi có yêu cầu tạm thời phải phá dỡ một bộ phận công trình tiện ích công cộng của Khu công nghiệp thì trước khi tiến hành Bên B phải được sự chấp thuận của Bên A và sau khi công trình hoàn thành Bên B phải sửa chữa, phục hồi trả lại phần công trình đã phá dỡ theo nguyên trạng.
Bên B chịu trách nhiệm bồi thường nếu tự mình gây hư hại những công trình công cộng trên hoặc dưới mặt đất trong diện tích khu đất thuê trong suốt thời gian thuê.
3. Khu vực hành lang kỹ thuật (nằm ngoài ranh đất thuê) là khu vực dành riêng cho việc lắp đặt các hệ thống ngầm, Bên B không được xây dựng các công trình cố định;

cùng với bản sao giấy tờ liên quan thay đổi, bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc tên chủ đầu tư, người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của Khu công nghiệp Hưng Phú I.

10. Hợp đồng thuê lại đất này được lập thành 09 (chín) bản, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 04 bản và đồng gửi Phòng công chứng 01 bản. Tất cả các bản đều có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. *ll*

BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÊN A
GIÁM ĐỐC



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
HOÀNG VĂN QUANG 0373 01 LÊ VĂN THÔNG

Ngày: 24-02-2022



+ Tiến độ thực hiện giai đoạn 1: Quý II/2022 ÷ Quý I/2023.

+ Tiến độ thực hiện giai đoạn 2: Quý II ÷ Quý III/2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự tổ chức quản lý dự án.

14. Thời hạn sử dụng công trình: 50 năm.

Điều 2. Ban quản lý dự án căn cứ các nội dung trên tiếp tục triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, phòng ban và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện)
- Hội đồng Quản trị (để báo cáo)
- Ban TGD (để chỉ đạo)
- Lưu BQLDA.



HOÀNG VĂN QUANG





TRƯỜNG LAM PHU, QUẬN CAI LANG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HÙNG PHÚ I (CỤM A)-GIAI ĐOẠN 1
VỊ TRÍ THUÊ ĐẤT CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT
NHẬP KHẨU VẬT TƯ GIAO THÔNG (TRATIMEX)

Ngày 20/05/2017



ĐẤT CÔNG NGHIỆP



ĐẤT CÔNG NGHIỆP



ĐẤT CÔNG NGHIỆP

ĐẤT CÔNG NGHIỆP



VỊ TRÍ THUÊ
DIỆN TÍCH 11.082 M²

MEKONG

XLNT

C.TY APEXETIROL
3,19 HA

TRƯỜNG LAM PHU
QUẬN CAI LANG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHẦN ĐANG BẢO HIỂM ĐẤT

ĐANG CHỜ 24h
THEO DUY CH

ĐANG CHỜ 24h THEO
GIẤY CN

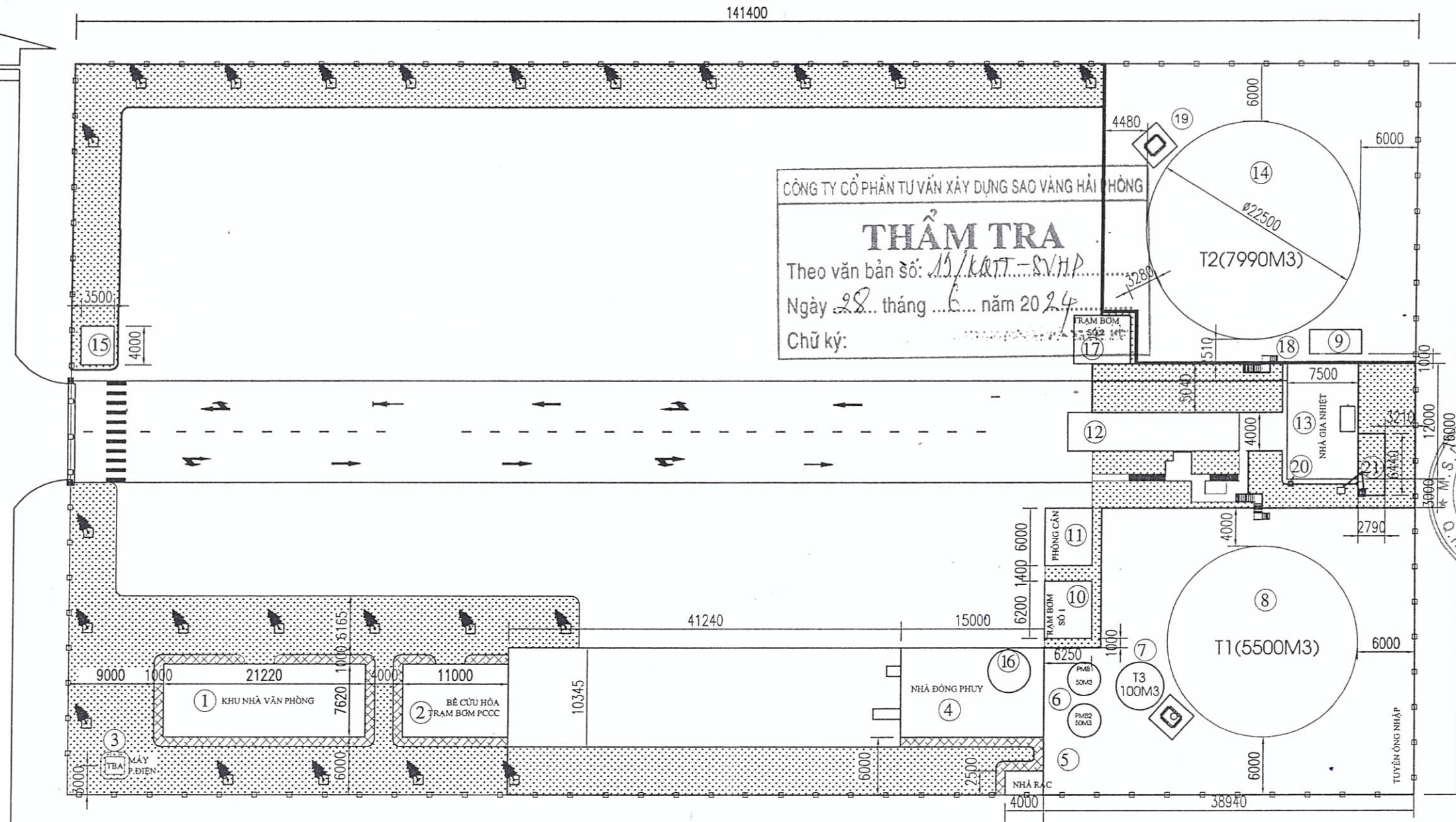


TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Quang

TỔNG MẶT BẰNG (ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2)

ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP



BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích XD Giai đoạn 1 (m2)	Diện tích XD Giai đoạn 2 (m2)	Tổng cộng (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Ghi chú
1	Nhà Văn Phòng	161.7	161.7	161.7	1.50%	
2	Bể nước, trạm cứu hỏa	83.82	83.82	83.82	0.8%	
3	Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng	1.3	1.3	1.3	0.01%	
4	Nhà đóng phuy	128.33	128.33	128.33	1.19%	
5	Kho rác	10	10	10	0.09%	
6	Bồn chứa trung gian số 1, 2 50m3	19.24	19.24	19.24	0.18%	
7	Bồn chứa trung gian 100m3	17.34	17.34	17.34	0.16%	
8	Bồn chứa T1 dung tích 5500m3	301.57	301.57	301.57	2.81%	
9	Bồn dầu FO 25m3	12.5	12.5	12.5	0.12%	
10	Nhà bơm số 1	41.88	41.88	41.88	0.39%	
11	Nhà gia nhiệt	90	90	90	0.84%	
12	Nhà cân và kế toán kho	30	30	30	0.28%	
13	Cầu cân	102.26	102.26	102.26	0.95%	
14	Bồn chứa T2 dung tích 7.990m3 (GD2)		397.41	397.41	3.70%	
15	Nhà bảo vệ	14	14	14	0.13%	
16	Bồn PMB (nằm trong nhà đóng Phuy)					
17	Nhà bơm số 2		33.6	33.6	0.31%	
	Sân Asphalt	5573.32	5573.32	5573.32	51.86%	
	Sân bê tông M300	426.7	426.7	426.7	3.97%	
	Sân bê tông M200	778.43	778.43	778.43	7.24%	
	Sân bê tông M200		597.2	597.19	5.56%	
	Cây xanh	1925.81	1925.809	1925.809	17.92%	
	Tổng cộng	9718.20	1028.2	10746.4	100.00%	

- CHỈ GIỚI KHU ĐẤT - TƯỜNG RÀO
- DIỆN TÍCH TRỒNG CÂY XANH
- SÂN ASPHALT
- SÂN CHỨA PHUY (BÊ TÔNG MẮC 300)
- SÂN KHUÔN VIÊN (BÊ TÔNG MẮC 200)

GHI CHÚ

- 1 : NHÀ VĂN PHÒNG, NHÀ ĂN-NGHỈ CBCNV
- 2 : NHÀ BƠM PCCC, BỂ NƯỚC PCCC
- 3 : TRẠM BIẾN ÁP, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG
- 4 : NHÀ ĐÓNG PHUY
- 5 : KHO RÁC
- 6 : BỒN TRUNG GIAN SỐ 1, 2 (50M3)
- 7 : BỒN TRUNG GIAN 100M3
- 8 : BỒN CHỨA T1 5.500M3
- 9 : BỒN DẦU FO
- 10 : NHÀ BƠM SỐ 1
- 11 : PHÒNG CÁN HÀNG
- 12 : TRẠM CÁN Ô TÔ 80T
- 13 : NHÀ GIA NHIỆT
- 14 : BỒN CHỨA T2 7.990M3
- 15 : NHÀ BẢO VỆ
- 16 : BỒN PMB 40m3
- 17 : NHÀ BƠM SỐ 2
- 18 : ĐỂ NGĂN CHÁY
- 19 : CẦU THANG
- 20 : BÌNH TÍCH ÁP KHÍ NÉN 3m3
- 21 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI

LẦN	NGÀY SỬA	CHỈ TIẾT SỬA	NGƯỜI SỬA
NO	DATE	DESCRIPTION	REVISED BY

TÊN DỰ ÁN-PROJECT NAME

KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ
ĐỊA CHỈ: KCN HÙNG PHÚ 1 (CỤM A)
P.TÂN PHÚ, Q. CÁI RĂNG, TP. CẦN THƠ

CHỦ ĐẦU TƯ-PROJECT OWNER

CÔNG TY CPTM & XNK
VẬT TƯ GIAO THÔNG TRATIMEX
THƯƠNG MẠI VÀ
ĐỊA CHỈ SỐ 2/201, ĐƯỜNG NGUYỄN QUÝNH
PHƯƠNG MÂY CHÁI/QUẬN NGUYỄN QUÝNH
(TRATIMEX)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ-PRIMARY CONSULTANT

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
KIẾN TRÚC VIỆT XANH
ĐỊA CHỈ SỐ 2/201, ĐƯỜNG NGUYỄN QUÝNH
PHƯƠNG MÂY CHÁI/QUẬN NGUYỄN QUÝNH
(KIẾN TRÚC VIỆT XANH)
CHỦ ĐẦU TƯ: KTS HOÀNG QUỐC VIỆT

KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2 ĐIỀU CHỈNH

TÊN LỜI HỒ SƠ-DESIGN STAGE

VÙNG BẢN VẼ-KEY PLAN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ - DESIGN MANAGERS

KTS.HOÀNG QUỐC VIỆT

KTS.HOÀNG QUỐC VIỆT

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN CHÍ CÔNG

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - DESIGNED BY

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ CẦU

KS. PHẠM VĂN THÌN

THIẾT KẾ KẾT CẤU

KS.NGUYỄN QUANG TUẤN

THIẾT KẾ KẾT NƯỚC

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ ĐIỆN

KS. NGUYỄN VĂN ĐỒNG

TÊN BẢN VẼ-DRAWING TITLE

TỔNG MẶT BẰNG

(ĐIỀU CHỈNH GIAI GIAI ĐOẠN 2)

MÃ HIỆU BẢN VẼ-DRAWING CODE

21.003.A3

TỶ LỆ CÁN LẠI-SCALE

1:100

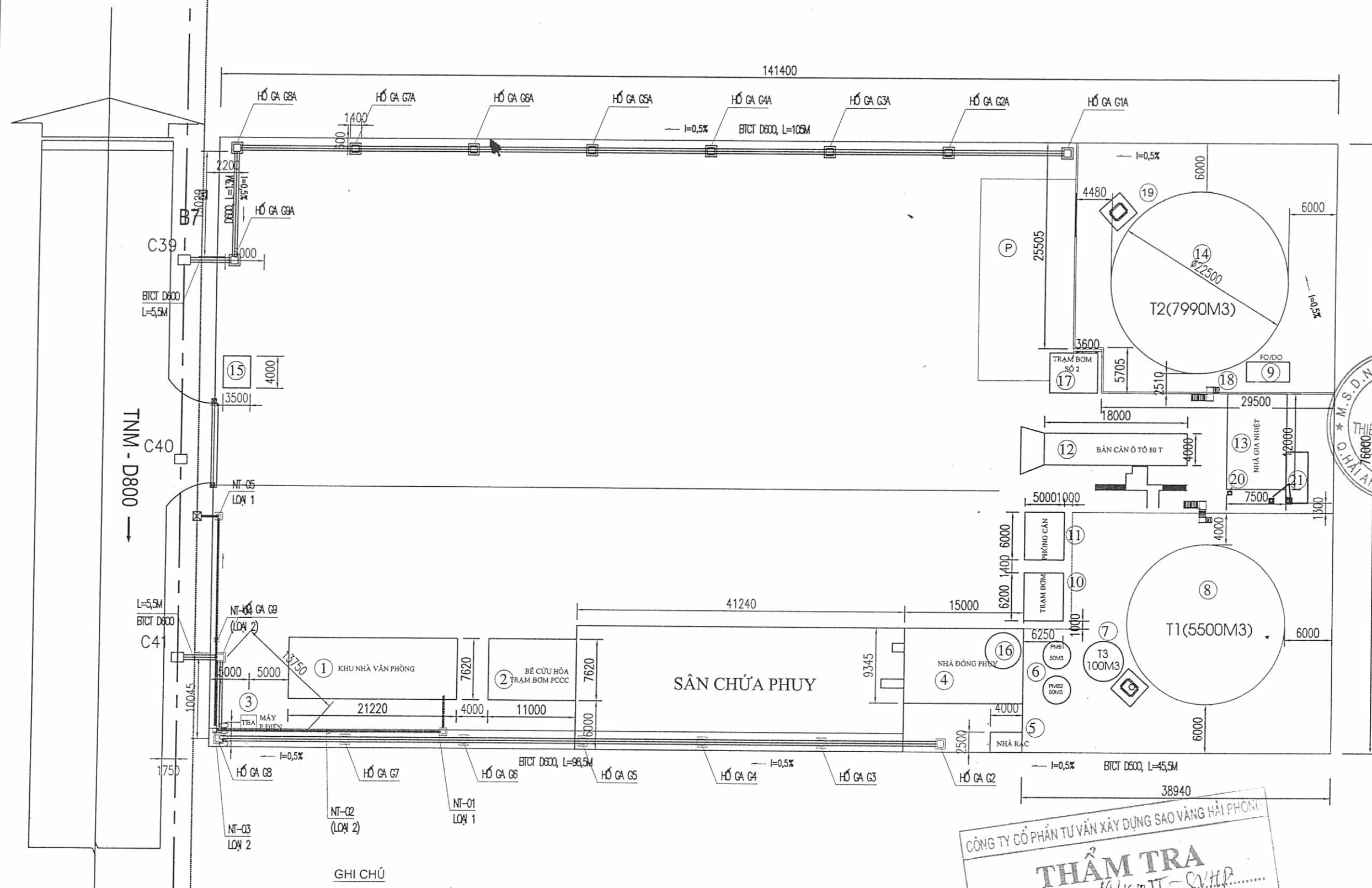
NGÀY HOÀN THÀNH-DATE

LẦN XUẤT BẢN-REVISION

1

R1

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



GHI CHÚ

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG HOÀN CHỈNH TẠI GIAI ĐOẠN 1

- | | |
|---|--|
|  | HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA, KHOẢNG CÁCH 15M/GA |
|  | CỔNG BTCT D600, DỘ DỐC I=0,5% |
|  | HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI |
|  | ỐNG UPVC D160, DỘ DỐC I=1% |

38940

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG SAO VÀNG HÀI PHONG

THẨM TRA

DẠNG 1

Theo văn bản số: 19/KC-IT - CVHP.....

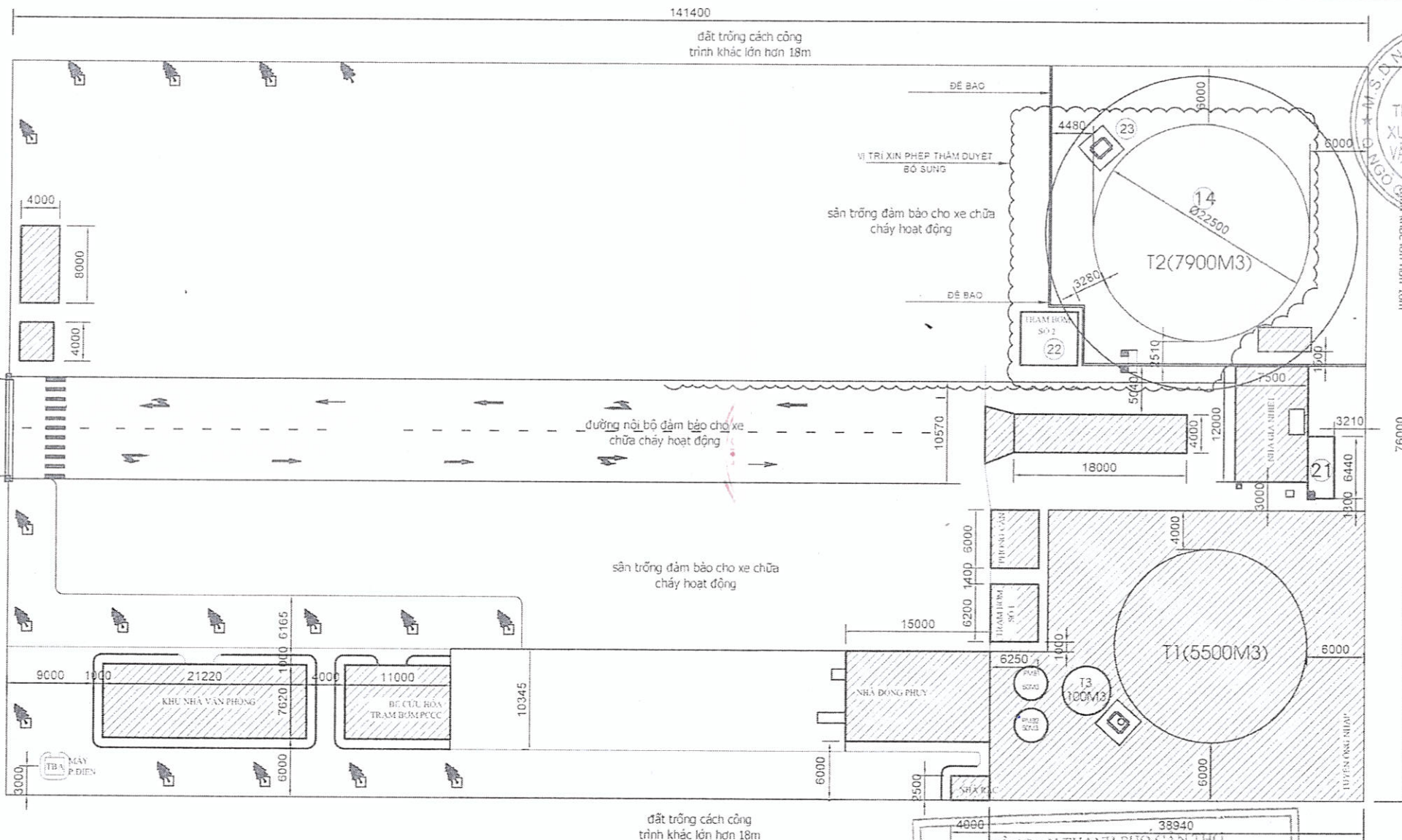
Ngày 28 tháng 6 năm 2024.....

Chữ ký:

VÒNG SỬA ĐỔI-REVISION			
LẦN	NGÀY SỬA	CH TIẾT SỬA	NGƯỜI SỬA
NO	DATE	DESCRIPTION	REVISED BY

TÊN DỰ ÁN-PROJECT NAME	
KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ ĐỊA CHỈ: KCN HÙNG PHÚ 1 (CỤM A) P.TÂN PHÚ, Q. CÀ RĂNG, TP. CẦN THƠ	
CHỦ ĐẦU TƯ-PROJECT OWNER	
 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT XANH VẬT TƯ GIAO THÔNG TRATIMEX (TRATIMEX) NGUYỄN VĂN T. PHAI PHÒNG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ-PRIMARY CONSULTANT	
 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT XANH ĐC : 670 KẾNH MÈ - PHƯỜNG ĐỒNG AN 2 QUẬN HÀ NỘI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI EMAIL : HONGQUOC@HOTMAIL.COM VIỆT P.708 ĐANG 1, TÔN NHA NGUYÊN SỐ 10 LỘ 2A, LÊ HỒNG PHẠC, KẾ QUẬN HÀ NỘI TEL: 090322884 & 0904370586	
GIÁM ĐỐC : KTS.HOÀNG QUỐC VIỆT	
TÊN CÔNG TRÌNH-VIE TITLE	
KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2 ĐIỀU CHỈNH ĐỊA CHỈ: TÂN PHÚ, CẦU RĂNG, CẦN THƠ	
TÊN LOẠI HỒ SƠ-DESIGN STAGE	
LƯỚI BẢN VẼ-KEY PLAN	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ - DESIGN MANAGERS	
KTS.HOÀNG QUỐC VIỆT	
Kiểm tra thiết kế	KTS.HOÀNG QUỐC VIỆT
Chủ trì thiết kế kiến trúc	KS. PHẠM VĂN THÌN
Thiết kế kiến trúc - DESIGNED BY	
Chủ trì kết cấu	KS.NGUỖYỄN QUANG TUẤN
Thiết kế kết cấu	
Chủ trì thiết kế nước	KS. NGUYỄN VĂN ĐÔNG
Thiết kế kết nước	
Chủ trì thiết kế điện	
Thiết kế kết điện	
TÊN BẢN VẼ-DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI	
HÀNH HỮU BẢN VẼ-DRAWING CODE	TÊN KÝ HIỆU BẢN VẼ-DRAWING NO
21.003.A3	TN-02
Tỷ lệ bản vẽ-SCALE	
1/100	
Ngày hoàn thành-DATE	Lần xuất bản-REVISION
—2024	R1

ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP



MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TỶ LỆ: 1/100

GHI CHÚ

GIẢI ĐOẠN 2 XÂY DỰNG THÊM CÁC HÀNG MỤC

- 14 : BỒN CHỨA T2 7990m³
21 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI
22 : TRẠM BƠM SỐ 2
23 : CẦU THANG



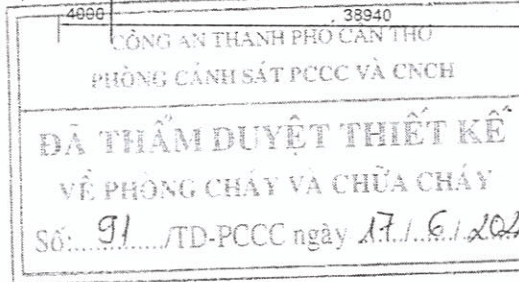
KHU VỰC ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VÀ NGHIỆM THU



KHU VỰC THẨM DUYỆT BỔ SUNG

THUYẾT MINH:

- CÔNG TRÌNH TẬN DỤNG ĐƯỜNG NỘI BỘ RỘNG >10M, CHIỀU CAO THÔNG THỦY LỚN HƠN 4,5M, MẶT ĐƯỜNG ĐẢM BẢO CHỊU ĐƯỢC TẢI TRỌNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẠT ĐỘNG.
- GIỮA CÁC BỒN CHỨA CÓ BỐ TRÍ CÁC ĐỀ BẢO CÓ CHIỀU CAO 0,9M.
- KHI BỐ TRÍ CÁC ĐƯỜNG ỜNG KỸ THUẬT, ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN XUYÊN QUA CÁC KẾT CẤU TƯỜNG, SÀN, VÁCH THÌ TẠI CÁC VỊ TRÍ GIAO CẮT PHẢI ĐƯỢC CHÈN KÍN BẰNG VẬT LIỆU KHÔNG CHÁY.
- SỐ LƯỢNG NGƯỜI TẬP TRUNG ĐỒNG NHẤT TRONG 1 GIAN PHÒNG DƯỚI 5 NGƯỜI
- CÁC PHÒNG BỐ TRÍ HÀNH LANG HỒ, THÔNG GIÓ VÀ LẤY SÁNG TỰ NHIÊN QUA CÁC Ồ CỬA SỔ.
- CẤP ĐỘ NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU ĐỐI VỚI CÁC GIAN PHÒNG, TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN:
- CẤP ĐỘ NGUY HIỂM CV3 (Ch2, BC2, SK3, DT2, LT2)
- VẬT LIỆU HOÀN THIÊN ĐỐI VỚI CÁC GIAN PHÒNG, TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN: CỘT, KÉO THÉP, TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẤT NUNG, VÁCH TOLE, MÁI TOLE LÀ VẬT LIỆU KHÓ CHÁY.
- PHẠM VI ẤP DỤNG CỦA VẬT LIỆU HOÀN THIÊN, TRANG TRÍ, VẬT LIỆU ỐP LÁT, PHỦ SÀN TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN:
- CẤP ĐỘ NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU (CV3) SỬ DỤNG CHO TƯỜNG VÀ TRẦN (ĐỐI VỚI HÀNH LANG CHUNG, SÀNH CHỖ): Ch2, BC2, SK3, DT2, LT2
- CẤP ĐỘ NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU (CV4) PHỦ SÀN (ĐỐI VỚI HÀNH LANG CHUNG, SÀNH CHỖ): Ch3, BC2, SK3, DT3, LT2.
- CÁC KHUNG TRẦN TREO TRONG CÁC GIAN PHÒNG VÀ TRÊN CÁC ĐƯỜNG THOÁT NẠN PHẢI ĐƯỢC LÀM BẰNG VẬT LIỆU KHÔNG CHÁY.
- KHI BỐ TRÍ CÁC ĐƯỜNG ỜNG KỸ THUẬT, ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN XUYÊN QUA CÁC KẾT CẤU TƯỜNG, SÀN, VÁCH, THÌ CHỖ TIẾP GIÁP GIỮA CÁC ĐƯỜNG ỜNG, ĐƯỜNG CẤP VỚI CÁC KẾT CẤU NÀY PHẢI ĐƯỢC CHÈN BÍT HOẶC XỬ LÝ THÍCH HỢP ĐỂ KHÔNG LÀM GIẢM CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VỀ CHÁY THEO YÊU CẦU CỦA KẾT CẤU.
- CÁC VÁCH NGĂN CHÁY TRONG CÁC GIAN PHÒNG CÓ TRẦN TREO PHẢI NGĂN CHIA ĐƯỢC CÁ KHÔNG GIAN PHÍA TRÊN TRẦN TREO;
- TRONG KHÔNG GIAN BÊN TRÊN TRẦN TREO KHÔNG CHO PHÉP BỐ TRÍ CÁC KÊNH VÀ ĐƯỜNG ỜNG ĐỂ VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT CHÁY DẠNG KHÍ, HỖN HỢP BỤI - KHÍ, CHẤT LỎNG VÀ VẬT LIỆU CHÁY;
- CÁC TRẦN TREO KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ TRONG CÁC GIAN PHÒNG HÀNG A HOẶC HÀNG B;
- CÁC VÁCH NGĂN CHÁY TRONG CÁC GIAN PHÒNG CÓ TRẦN TREO PHẢI NGĂN CHIA ĐƯỢC CÁ KHÔNG GIAN PHÍA TRÊN TRẦN TREO.
- KHÔNG CHO PHÉP BỐ TRÍ CÁC THIẾT BỊ NHỎ RA KHỎI MẶT PHẪNG CỦA TƯỜNG TRÊN ĐỘ CAO NHỎ HƠN 20, CÁC ỜNG DẪN KHÍ CHÁY VÀ ỜNG DẪN CÁC CHẤT LỎNG CHÁY ĐƯỢC, CUNG NHƯ CÁC TỦ TƯỜNG, TRÚ CÁC TỦ THÔNG TIN LIÊN LẠC VÀ TỦ ĐẶT HỌNG NƯỚC CHỮA CHÁY.
- TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ GIẬT CÁP HOẶC GỖ NHỎ LÊN, KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ GƯƠNG SOI.



TÊN CÔNG TRÌNH:

KHO NHỰA ĐƯỜNG CẦN THƠ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CPTM&XNK

VẬT TƯ GIAO THÔNG TRATIMEX

HẠNG MỤC:

CẢI TẠO MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

KCN HƯNG PHÚ I (CỤM A), P. TÂN PHÚ,
Q. CÁI RĂNG, TP. CẦN THƠ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAI ĐOẠN 2

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH XD TM DV
FIRETECH

ĐỊA CHỈ: 95/12 MẬU THÂN, P. XUÂN
KHÁNH, Q. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ.

GIÁM ĐỐC:



NGÔ HOÀNG ANH

THIẾT KẾ:

Signature of Ngô Hoàng Anh

NGÔ HOÀNG ANH

BVHC PCCC

KÝ HIỆU BẢN VẼ

THÁNG: /2024

TD-01